

# ĐÈN CHIẾU SÁNG

## ĐÈN LED PANEL ỐP TRẦN NRP3031R

### \*Thiết kế hiện đại

Kiểu dáng tròn thanh lịch, dễ dàng hòa hợp với mọi không gian – từ nhà ở, văn phòng đến showroom.

### \*Chiếu sáng góc rộng

Góc chiếu 120°, ánh sáng tán quang dịu nhẹ, không chói – lan tỏa đều khắp không gian, bảo vệ mắt tối ưu.

### \*Tuổi thọ vượt trội

Tiết kiệm điện năng, vận hành ổn định với tuổi thọ lên đến 25.000 giờ, giải pháp chiếu sáng bền vững và kinh tế.



- ĐÈN DOWNLIGHT
- ĐÈN SLIM PANEL
- ĐÈN ỐP TRẦN



- ĐÈN OFFICE PANEL



- ĐÈN BULB - HOA CÚC



- ĐÈN T8 - MÁNG ĐÈN
- ĐÈN BÁN NGUYỆT



- ĐÈN BÀN



- ĐÈN BẮT MUỖI
- ĐÈN ĐỘI ĐẦU
- ĐÈN SƯỜI



(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

## ĐÈN SLIM PANEL ÂM TRẦN HERA SERIES



- \* Chất liệu thân đèn: Nhôm
- \* Thiết kế driver nguồn rời
- \* Thiết kế siêu mỏng thích hợp cho công trình trần nhà thấp, tiết kiệm chi phí
- \* Sử dụng LED Bridgelux



| Hình ảnh | Màu viền   | Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng                  | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Kích thước<br>khoét trần<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|----------|------------|-------------|--------------------------------|------------------------|-------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|-------------------------|-------------|
|          | viền trắng | NSD076W90   | 7W/<br>220V                    | 550                    | Trắng 6500K                   | Ø105/H22                       | Ø90                              | 40                      | 125.000     |
|          |            | NSD074W90   |                                | 550                    | Trung tính 4000K              |                                |                                  |                         |             |
|          |            | NSD073W90   |                                | 500                    | Vàng 3000K                    |                                |                                  |                         |             |
|          |            | NSD07CW90   | 7W/220V                        | 500-550                | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K | Ø105/H22                       | Ø90                              | 40                      | 145.000     |
|          |            | NSD096W110  |                                | 700                    | Trắng 6500K                   |                                |                                  |                         |             |
|          |            | NSD094W110  |                                | 700                    | Trung tính 4000K              |                                |                                  |                         |             |
|          |            | NSD093W110  | 9W/220V                        | 630                    | Vàng 3000K                    | Ø122/H22                       | Ø110                             | 36                      | 149.000     |
|          |            | NSD09CW110  |                                | 630-700                | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K |                                |                                  |                         |             |
|          |            | NSD126W135  |                                | 1000                   | Trắng 6500K                   | Ø146/H22                       | Ø135                             | 30                      | 180.000     |
|          | viền vàng  | NSD124W135  | 12W/220V                       | 1000                   | Trung tính 4000K              |                                |                                  |                         |             |
|          |            | NSD123W135  |                                | 900                    | Vàng 3000K                    |                                |                                  |                         |             |
|          |            | NSD12CW135  |                                | 900-1000               | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K |                                |                                  |                         |             |
|          |            | NSD076G90   | 7W/<br>220V                    | 550                    | Trắng 6500K                   | Ø105/H22                       | Ø90                              | 40                      | 135.000     |
|          |            | NSD074G90   |                                | 550                    | Trung tính 4000K              |                                |                                  |                         |             |
|          |            | NSD073G90   |                                | 500                    | Vàng 3000K                    |                                |                                  |                         |             |
|          |            | NSD07CG90   | 7W/220V                        | 500-550                | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K | Ø105/H22                       | Ø90                              | 40                      | 155.000     |
|          |            | NSD096G110  |                                | 700                    | Trắng 6500K                   |                                |                                  |                         |             |
|          |            | NSD094G110  |                                | 700                    | Trung tính 4000K              |                                |                                  |                         |             |
|          | viền bạc   | NSD093G110  | 9W/220V                        | 630                    | Vàng 3000K                    | Ø122/H22                       | Ø110                             | 36                      | 165.000     |
|          |            | NSD09CW110  |                                | 630-700                | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K |                                |                                  |                         |             |
|          |            | NSD126G135  |                                | 1000                   | Trắng 6500K                   | Ø146/H22                       | Ø135                             | 30                      | 185.000     |
|          |            | NSD124G135  | 12W/220V                       | 1000                   | Trung tính 4000K              |                                |                                  |                         |             |
|          |            | NSD123G135  |                                | 900                    | Vàng 3000K                    |                                |                                  |                         |             |
|          |            | NSD12CG135  |                                | 900-1000               | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K |                                |                                  |                         |             |
|          |            | NSD076S90   | 7W/<br>220V                    | 550                    | Trắng 6500K                   | Ø105/H22                       | Ø90                              | 40                      | 135.000     |
|          |            | NSD074S90   |                                | 550                    | Trung tính 4000K              |                                |                                  |                         |             |
|          |            | NSD073S90   |                                | 500                    | Vàng 3000K                    |                                |                                  |                         |             |
|          | viền bạc   | NSD07CS90   | 7W/220V                        | 500-550                | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K | Ø105/H22                       | Ø90                              | 40                      | 155.000     |
|          |            | NSD096S110  |                                | 700                    | Trắng 6500K                   |                                |                                  |                         |             |
|          |            | NSD094S110  |                                | 700                    | Trung tính 4000K              |                                |                                  |                         |             |
|          |            | NSD093S110  | 9W/220V                        | 630                    | Vàng 3000K                    | Ø122/H22                       | Ø110                             | 36                      | 165.000     |
|          |            | NSD09CW110  |                                | 630-700                | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K |                                |                                  |                         |             |
|          |            | NSD126S135  |                                | 1000                   | Trắng 6500K                   | Ø146/H22                       | Ø135                             | 30                      | 185.000     |
|          |            | NSD124S135  | 12W/220V                       | 1000                   | Trung tính 4000K              |                                |                                  |                         |             |
|          |            | NSD123S135  |                                | 900                    | Vàng 3000K                    |                                |                                  |                         |             |
|          |            | NSD12CS135  |                                | 900-1000               | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K |                                |                                  |                         |             |

## ĐÈN SLIM PANEL ÂM TRẦN MIRA SERIES



NPM09C



NPM126

- \* Chất liệu: Nhôm nhựa
- \* Thiết kế driver nguồn rời
- \* Sử dụng LED Bridgelux



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng                  | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Kích thước<br>khoét trần<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|--------------------------------|------------------------|-------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|-------------------------|-------------|
| NPM096      | 9W/<br>220V                    | 700                    | Trắng 6500K                   | Ø132/H22                       | Ø110                             | 40                      | 135.000     |
| NPM094      |                                | 700                    | Trung tính 4000K              |                                |                                  |                         |             |
| NPM093      |                                | 630                    | Vàng 3000K                    |                                |                                  |                         |             |
| NPM09C      | 9W/220V                        | 630-700                | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K | Ø132/H22                       | Ø110                             | 40                      | 154.000     |
| NPM126      | 12W/<br>220V                   | 1000                   | Trắng 6500K                   | Ø151/H22                       | Ø135                             | 40                      | 160.000     |
| NPM124      |                                | 1000                   | Trung tính 4000K              |                                |                                  |                         |             |
| NPM123      |                                | 900                    | Vàng 3000K                    |                                |                                  |                         |             |
| NPM12C      | 12W/220V                       | 900-1000               | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K | Ø151/H22                       | Ø135                             | 40                      | 181.000     |

\*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

**ProClub**



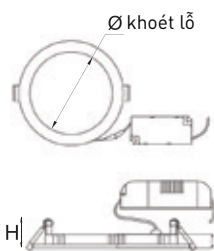
**ĐÈN SLIM PANEL ÂM TRẦN**

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

**Đèn Slim Panel âm trần**



\* Chất liệu thân đèn: Nhôm  
\* Thiết kế driver nguồn rời  
\* Thiết kế siêu mỏng thích hợp cho công trình trần nhà thấp, tiết kiệm chi phí

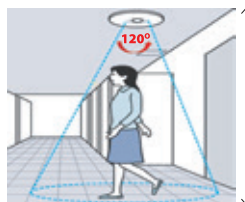


| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng                    | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Kích thước<br>khoét trần<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|---------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|-------------------------|-------------|
| NSD0661     | 6W/<br>220V                       | 420                    | Trắng 6500K                     | Φ120/ H22                      | Φ110                             | 36                      | 130.000     |
| NSD0641     |                                   | 400                    | Trung tính 4000K                |                                |                                  |                         |             |
| NSD0631     |                                   | 360                    | Vàng 3000K                      |                                |                                  |                         |             |
| NSD06C1     | 6W/ 220V                          | 420-462                | Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K | Φ120/ H22                      | Φ110                             | 36                      | 150.000     |
| NSD0961     | 9W/<br>220V                       | 630                    | Trắng 6500K                     | Φ145/ H22                      | Φ135                             | 40                      | 165.000     |
| NSD0941     |                                   | 620                    | Trung tính 4000K                |                                |                                  |                         |             |
| NSD0931     |                                   | 600                    | Vàng 3000K                      |                                |                                  |                         |             |
| NSD09C1     | 9W/ 220V                          | 630-693                | Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K | Φ145/ H22                      | Φ135                             | 40                      | 215.000     |
| NSD1261     | 12W/<br>220V                      | 840                    | Trắng 6500K                     | Φ174/ H22                      | Φ160                             | 40                      | 191.000     |
| NSD1241     |                                   | 820                    | Trung tính 4000K                |                                |                                  |                         |             |
| NSD1231     |                                   | 800                    | Vàng 3000K                      |                                |                                  |                         |             |
| NSD12C1     | 12W/ 220V                         | 824-840                | Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K | Φ174/ H22                      | Φ160                             | 40                      | 252.000     |
| NSD1561     | 15W/<br>220V                      | 1125                   | Trắng 6500K                     | Φ200/ H22                      | Φ185                             | 20                      | 252.000     |
| NSD1541     |                                   | 1125                   | Trung tính 4000K                |                                |                                  |                         |             |
| NSD1531     |                                   | 1050                   | Vàng 3000K                      |                                |                                  |                         |             |

**Đèn Slim Panel âm trần cảm biến**



\* Chất liệu thân đèn: Nhôm  
\* Thiết kế driver nguồn rời  
\* Thiết kế siêu mỏng thích hợp cho công trình trần nhà thấp, tiết kiệm chi phí  
\* Đèn tự động bật khi có người chuyển động vào vùng phát hiện của cảm biến  
\* Đèn tự động tắt sau 30-45 giây kết thúc chuyển động



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Kích thước<br>khoét trần<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|--------------|--------------------------------|----------------------------------|-------------------------|-------------|
| NSD093S     | 9W/<br>220V                       | 600                    | Vàng 3000K   | Ø145/ H22                      | Ø135                             | 30                      | 311.000     |
| NSD123S     | 12W/<br>220V                      | 800                    | Vàng 3000K   | Ø174/ H22                      | Ø160                             | 24                      | 340.000     |

**ĐÈN DOWNLIGHT 3S SERIES**



\* Chất liệu thân đèn: Nhôm  
\* Thiết kế driver nguồn rời  
\* Thiết kế đa dạng mẫu với 3 màu viền đèn trắng - vàng - bạc  
\* Sử dụng LED Seoul Semiconductor  
\* Độ sáng cao: 105lm/W



| Mã sản phẩm |            |            | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng                  | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Kích thước<br>khoét trần<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|------------|------------|-----------------------------------|------------------------|-------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|-------------------------|-------------|
| Viền trắng  | Viền vàng  | Viền bạc   |                                   |                        |                               |                                |                                  |                         |             |
| NDL096W90   | NDL096G90  | NDL096S90  | 9W/<br>220V                       | 945                    | Trắng 6500K                   | Ø112/H35                       | Ø90                              | 40                      | 174.000     |
| NDL094W90   | NDL094G90  | NDL094S90  |                                   | 945                    | Trung tính 4000K              |                                |                                  |                         |             |
| NDL093W90   | NDL093G90  | NDL093S90  |                                   | 900                    | Vàng 3000K                    |                                |                                  |                         |             |
| NDL09CW90   | NDL09CG90  | NDL09CS90  | 9W/220V                           | 900-945                | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K | Ø112/H35                       | Ø90                              | 40                      | 205.000     |
| NDL126W110  | NDL126G110 | NDL126S110 | 12W/<br>220V                      | 1260                   | Trắng 6500K                   | Ø130/H35                       | Ø110                             | 36                      | 200.000     |
| NDL124W110  | NDL124G110 | NDL124S110 |                                   | 1260                   | Trung tính 4000K              |                                |                                  |                         |             |
| NDL123W110  | NDL123G110 | NDL123S110 |                                   | 1200                   | Vàng 3000K                    |                                |                                  |                         |             |
| NDL12CW110  | NDL12CG110 | NDL12CS110 | 12W/220V                          | 1200-1260              | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K | Ø130/H35                       | Ø110                             | 36                      | 235.000     |



**ProClub**

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

\*Giá bán đã bao gồm VAT

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN DOWNLIGHT ECO SERIES

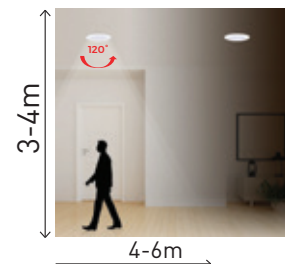


\* Chất liệu: thân đèn nhựa PP  
\* Thiết kế driver tích hợp  
\* Độ sáng cao: 80lm/W

| Hình ảnh | Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng                  | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Kích thước<br>khoét trần<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|----------|-------------|-----------------------------------|------------------------|-------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|-------------------------|-------------|
|          | NED076      | 7W/<br>220V                       | 630                    | Trắng 6500K                   | Ø110/H45                       | Ø90                              | 40                      | 113.000     |
|          | NED074      |                                   | 630                    | Trung tính 4000K              |                                |                                  |                         |             |
|          | NED073      |                                   | 595                    | Vàng 3000K                    |                                |                                  |                         |             |
|          | NED07C      | 7W/220V                           | 595-930                | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K | Ø110/H45                       | Ø90                              | 40                      | 133.000     |
|          | NED096      | 9W/<br>220V                       | 810                    | Trắng 6500K                   | Ø110/H45                       | Ø90                              | 40                      | 130.000     |
|          | NED094      |                                   | 810                    | Trung tính 4000K              |                                |                                  |                         |             |
|          | NED093      |                                   | 765                    | Vàng 3000K                    |                                |                                  |                         |             |
|          | NED09C      | 9W/220V                           | 765-810                | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K | Ø110/H45                       | Ø90                              | 40                      | 146.000     |
|          | NED126      | 12W/<br>220V                      | 980                    | Trắng 6500K                   | Ø140/H45                       | Ø120                             | 40                      | 150.000     |
|          | NED124      |                                   | 980                    | Trung tính 4000K              |                                |                                  |                         |             |
|          | NED123      |                                   | 910                    | Vàng 3000K                    |                                |                                  |                         |             |
|          | NED12C      | 12W/220V                          | 910-980                | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K | Ø140/H45                       | Ø120                             | 40                      | 174.000     |
|          | NED1261     | 12W/<br>220V                      | 1080                   | Trắng 6500K                   | Ø130/H45                       | Ø110                             | 40                      | 150.000     |
|          | NED1241     |                                   | 1080                   | Trung tính 4000K              |                                |                                  |                         |             |
|          | NED1231     |                                   | 1020                   | Vàng 3000K                    |                                |                                  |                         |             |
|          | NED12C1     | 12W/220V                          | 1020-1080              | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K | Ø130/H45                       | Ø110                             | 40                      | 174.000     |
|          | NED156      | 15W/<br>220V                      | 1350                   | Trắng 6500K                   | Ø170/H45                       | Ø145                             | 40                      | 191.000     |
|          | NED154      |                                   | 1350                   | Trung tính 4000K              |                                |                                  |                         |             |
|          | NED153      |                                   | 1275                   | Vàng 3000K                    |                                |                                  |                         |             |
|          | NED186      | 18W/<br>220V                      | 1620                   | Trắng 6500K                   | Ø170/H45                       | Ø145                             | 40                      | 208.000     |
|          | NED184      |                                   | 1620                   | Trung tính 4000K              |                                |                                  |                         |             |
|          | NED183      |                                   | 1530                   | Vàng 3000K                    |                                |                                  |                         |             |
|          | NED246      | 24W/<br>220V                      | 2160                   | Trắng 6500K                   | Ø220/H45                       | Ø195                             | 40                      | 281.000     |
|          | NED244      |                                   | 2160                   | Trung tính 4000K              |                                |                                  |                         |             |
|          | NED243      | 24W/220V                          | 2040                   | Vàng 3000K                    |                                |                                  |                         |             |



\* Chất liệu: Thân đèn nhựa PP  
\* Thiết kế driver, cảm biến được tích hợp bên trong đèn  
\* Đèn tự động bật khi có người chuyển động trong vùng phát hiện cảm biến bán kính 4-6m, độ cao trần 3-4m  
\* Đèn tự động tắt sau 60 giây khi kết thúc chuyển động



| Hình ảnh | Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Kích thước<br>khoét trần<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|----------|-------------|-----------------------------------|------------------------|--------------|--------------------------------|----------------------------------|-------------------------|-------------|
|          | NED096S     | 9W/<br>220V                       | 700                    | Trắng 6500K  | Ø110/H45                       | Ø90                              | 40                      | 195.000     |
|          | NED093S     |                                   | 655                    | Vàng 3000K   |                                |                                  |                         |             |
|          | NED126S     | 12W/<br>220V                      | 1000                   | Trắng 6500K  | Ø130/H45                       | Ø110                             | 40                      | 240.000     |
|          | NED123S     |                                   | 936                    | Vàng 3000K   |                                |                                  |                         |             |

\*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng



ĐÈN DOWNLIGHT CHÍNH GÓC

[\*] Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



\*Chất liệu: thân đèn nhôm nhựa thấu kính nhựa PC trong suốt.  
\*Điều chỉnh được góc xoay tối đa 20 độ, tùy theo mục đích sử dụng trong nhà, thích hợp chiếu điểm trung bày sản phẩm, tranh tường.



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Kích thước<br>khoét trần<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|--------------------------------|------------------------|------------------|--------------------------------|----------------------------------|-------------------------|-------------|
| NADL076     | 7W/<br>220V                    | 630                    | Trắng 6500K      | Ø95/H46                        | Ø75-80                           | 20                      | 166.000     |
| NADL074     |                                |                        | Trung tính 4000K |                                |                                  |                         |             |
| NADL073     |                                |                        | Vàng 3000K       |                                |                                  |                         |             |
| NADL096     | 9W/<br>220V                    | 810                    | Trắng 6500K      | Ø95/H46                        | Ø75-80                           | 20                      | 183.000     |
| NADL094     |                                |                        | Trung tính 4000K |                                |                                  |                         |             |
| NADL093     |                                |                        | Vàng 3000K       |                                |                                  |                         |             |

ĐÈN DOWNLIGHT



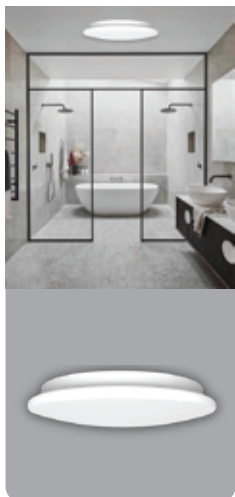
\* Chất liệu: thân đèn nhựa PC  
\* Thiết kế driver nguồn tích hợp  
\* Độ sáng cao 95 lm/W



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng                    | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Kích thước<br>khoét trần<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|--------------------------------|------------------------|---------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|-------------------------|-------------|
| NDL0569     | 5W/<br>220V                    | 460                    | Trắng 6500K                     | Ø110/H58.6                     | Ø90                              | 40                      | 171.000     |
| NDL0549     |                                | 460                    | Trung tính 4000K                |                                |                                  |                         |             |
| NDL0539     |                                | 430                    | Vàng 3000K                      |                                |                                  |                         |             |
| NDL05C      | 5W/ 220V                       | 430 - 460              | Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K | Ø110/H58.6                     | Ø90                              | 40                      | 224.000     |
| NDL086      | 8W/<br>220V                    | 780                    | Trắng 6500K                     | Ø110/H58.6                     | Ø90                              | 40                      | 179.000     |
| NDL084      |                                | 780                    | Trung tính 4000K                |                                |                                  |                         |             |
| NDL083      |                                | 730                    | Vàng 3000K                      |                                |                                  |                         |             |
| NDL08C      | 8W/ 220V                       | 730 - 780              | Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K | Ø110/H58.6                     | Ø90                              | 40                      | 238.000     |
| NDL126      | 12W/<br>220V                   | 1200                   | Trắng 6500K                     | Ø145/H65.8                     | Ø120                             | 40                      | 252.000     |
| NDL124      |                                | 1200                   | Trung tính 4000K                |                                |                                  |                         |             |
| NDL123      |                                | 1120                   | Vàng 3000K                      |                                |                                  |                         |             |
| NDL12C      | 12W/ 220V                      | 1120 - 1200            | Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K | Ø145/H65.8                     | Ø120                             | 40                      | 333.000     |
| NDL146      | 14W/<br>220V                   | 1400                   | Trắng 6500K                     | Ø145/H65.8                     | Ø120                             | 40                      | 265.000     |
| NDL144      |                                | 1400                   | Trung tính 4000K                |                                |                                  |                         |             |
| NDL143      |                                | 1300                   | Vàng 3000K                      |                                |                                  |                         |             |
| NDL14C      | 14W/ 220V                      | 1300 - 1400            | Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K | Ø145/H65.8                     | Ø120                             | 40                      | 363.000     |

ĐÈN TRẦN CHỐNG ẨM

\* Chất liệu: Đế hợp kim + chụp đèn nhựa kỹ thuật PMMA



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng                  | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Diện tích<br>chiếu sáng<br>(m²) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|--------------------------------|------------------------|-------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|-------------------------|-------------|
| NCL186MP1   | 18W/220V                       | 1440                   | Trắng 6500K                   | Ø253/ H57                      | 8-12                            | 6                       | 371.000     |
| NCL184MP1   |                                | 1440                   | Trung tính 4000K              |                                |                                 |                         |             |
| NCL183MP1   |                                | 1400                   | Vàng 3000K                    |                                |                                 |                         |             |
| NCL18CMP1   | 18W/220V                       | 1440                   | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K | Ø253/ H57                      | 8-12                            | 6                       | 408.000     |
| NCL246MP1   | 24W/220V                       | 1920                   | Trắng 6500K                   | Ø330/ H58                      | 10-15                           | 6                       | 416.000     |
| NCL244MP1   |                                | 1920                   | Trung tính 4000K              |                                |                                 |                         |             |
| NCL243MP1   |                                | 1870                   | Vàng 3000K                    |                                |                                 |                         |             |
| NCL24CMP1   | 24W/220V                       | 1920                   | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K | Ø330/ H58                      | 10-15                           | 6                       | 478.000     |

\* Chất liệu: thân đèn nhựa PC, chụp đèn nhựa acrylic màu trắng sữa

| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Diện tích<br>chiếu sáng<br>(m²) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|--------------------------------|------------------------|--------------|--------------------------------|---------------------------------|-------------------------|-------------|
| NCL186MP    | 18W/220V                       | 1440                   | Trắng 6500K  | Ø285/ H60                      | 8-12                            | 6                       | 371.000     |
| NCL183MP    |                                | 1400                   | Vàng 3000K   |                                |                                 |                         |             |
| NCL246MP    | 24W/220V                       | 1920                   | Trắng 6500K  | Ø335/ H60                      | 10-15                           | 6                       | 416.000     |
| NCL243MP    |                                | 1870                   | Vàng 3000K   |                                |                                 |                         |             |



(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN ỐP NỔI TRẦN VIÊN - NANCY SERIES



3000K

4000K

6500K



\* Chất liệu: thân đèn nhựa, chóa đèn nhựa

Đèn Panel ốp trần nổi loại tròn



NEW

| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng                    | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|---------------------------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| NRP1561R    | 15W/220V                          | 1350                   | Trắng 6500K                     | Φ170/H36                       | 20                      | 220.000     |
| NRP1541R    |                                   | 1350                   | Trung tính 4000K                |                                |                         |             |
| NRP1531R    |                                   | 1350                   | Vàng 3000K                      |                                |                         |             |
| NRP15C1R    | 15W/220V                          | 1350                   | Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K | Φ170/H36                       | 20                      | 250.000     |
| NRP2261R    | 22W/ 220V                         | 1980                   | Trắng 6500K                     | Φ220/H36                       | 20                      | 290.000     |
| NRP2241R    |                                   | 1980                   | Trung tính 4000K                |                                |                         |             |
| NRP2231R    |                                   | 1980                   | Vàng 3000K                      |                                |                         |             |
| NRP22C1R    | 22W/ 220V                         | 1980                   | Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K | Φ220/H36                       | 20                      | 324.000     |
| NRP3061R    | 30W/220V                          | 2700                   | Trắng 6500K                     | Φ300/H36                       | 10                      | 405.000     |
| NRP3041R    |                                   | 2700                   | Trung tính 4000K                |                                |                         |             |
| NRP3031R    |                                   | 2700                   | Vàng 3000K                      |                                |                         |             |
| NRP30C1R    | 30W/220V                          | 2700                   | Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K | Φ300/H36                       | 10                      | 472.000     |

ĐÈN ỐP NỔI TRẦN VIÊN



\* Chất liệu: thân đèn nhôm, chóa đèn nhựa

Đèn Panel ốp trần nổi loại tròn



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|------------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| NRP126R     | 12W/220V                          | 1020                   | Trắng 6500K      | Φ123/H42                       | 40                      | 198.000     |
| NRP124R     |                                   | 1020                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NRP123R     |                                   | 960                    | Vàng 3000K       |                                |                         |             |
| NRP186R     | 18W/220V                          | 1530                   | Trắng 6500K      | Φ176/H43                       | 20                      | 266.000     |
| NRP184R     |                                   | 1530                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NRP183R     |                                   | 1440                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |
| NRP246R     | 24W/220V                          | 2040                   | Trắng 6500K      | Φ228/H43                       | 20                      | 367.000     |
| NRP244R     |                                   | 2040                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NRP243R     |                                   | 1920                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |

ĐÈN ỐP TRẦN NỔI VIÊN MỎNG



\* Chất liệu: thân đèn nhôm, chóa đèn nhựa

Đèn Panel ốp trần nổi loại tròn



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|------------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| NSFP126R    | 12W/220V                          | 1020                   | Trắng 6500K      | Φ120/ H39.5                    | 40                      | 240.000     |
| NSFP124R    |                                   | 1020                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NSFP123R    |                                   | 960                    | Vàng 3000K       |                                |                         |             |
| NSFP186R    | 18W/220V                          | 1530                   | Trắng 6500K      | Φ174.5/ H39.5                  | 20                      | 346.000     |
| NSFP184R    |                                   | 1530                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NSFP183R    |                                   | 1440                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |
| NSFP246R    | 24W/220V                          | 2040                   | Trắng 6500K      | Φ224/ H39.5                    | 20                      | 526.000     |
| NSFP244R    |                                   | 2040                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NSFP243R    |                                   | 1920                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |

\*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub



ĐÈN ỒP TRẦN NỔI

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



\* Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa



| Hình ảnh     | Mã sản phẩm |          | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng                  | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|--------------|-------------|----------|-----------------------------------|------------------------|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
|              | Viên trắng  | Viên đen |                                   |                        |                               |                                |                         |             |
| <b>Tròn</b>  | NPL066R     | NPL066RB | 6W/<br>220V                       | 420                    | Trắng 6500K                   | Ø118/H30                       | 40                      | 158.000     |
|              | NPL064R     | NPL064RB |                                   | 400                    | Trung tính 4000K              |                                |                         |             |
|              | NPL063R     | NPL063RB |                                   | 360                    | Vàng 3000K                    |                                |                         |             |
|              | NPL06CRW    | NPL06CRB | 6W/220V                           | 360-420                | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K | Ø118/H30                       | 40                      | 174.000     |
|              | NPL126R     | NPL126RB | 12W/<br>220V                      | 840                    | Trắng 6500K                   | Ø164/H30                       | 20                      | 222.000     |
|              | NPL124R     | NPL124RB |                                   | 820                    | Trung tính 4000K              |                                |                         |             |
|              | NPL123R     | NPL123RB |                                   | 800                    | Vàng 3000K                    |                                |                         |             |
|              | NPL12CRW    | NPL12CRB | 12W/220V                          | 800-840                | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K | Ø164/H30                       | 20                      | 252.000     |
|              | NPL186R     | NPL186RB | 18W/<br>220V                      | 1300                   | Trắng 6500K                   | Ø214/H30                       | 20                      | 275.000     |
|              | NPL184R     | NPL184RB |                                   | 1250                   | Trung tính 4000K              |                                |                         |             |
|              | NPL183R     | NPL183RB |                                   | 1170                   | Vàng 3000K                    |                                |                         |             |
|              | NPL18CRW    | NPL18CRB | 18W/220V                          | 1170-1300              | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K | Ø214/H30                       | 20                      | 324.000     |
| <b>Vuông</b> | NPL246R     | NPL246RB | 24W/<br>220V                      | 1700                   | Trắng 6500K                   | Ø288/H32                       | 10                      | 407.000     |
|              | NPL244R     | NPL244RB |                                   | 1550                   | Trung tính 4000K              |                                |                         |             |
|              | NPL243R     | NPL243RB |                                   | 1500                   | Vàng 3000K                    |                                |                         |             |
|              | NPL24CRW    | NPL24CRB | 24W/220V                          | 1500-1700              | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K | Ø288/H32                       | 10                      | 484.000     |
|              | NPL126S     | NPL126SB | 12W/<br>220V                      | 840                    | Trắng 6500K                   | 162x162x30                     | 20                      | 235.000     |
|              | NPL124S     | NPL124SB |                                   | 820                    | Trung tính 4000K              |                                |                         |             |
|              | NPL123S     | NPL123SB |                                   | 800                    | Vàng 3000K                    |                                |                         |             |
|              | NPL12CSW    | NPL12CSB | 12W/220V                          | 800-840                | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K | 162x162x30                     | 20                      | 264.000     |
|              | NPL186S     | NPL186SB | 18W/<br>220V                      | 1300                   | Trắng 6500K                   | 213x213x30                     | 20                      | 305.000     |
|              | NPL184S     | NPL184SB |                                   | 1250                   | Trung tính 4000K              |                                |                         |             |
|              | NPL183S     | NPL183SB |                                   | 1170                   | Vàng 3000K                    |                                |                         |             |
|              | NPL18CSW    | NPL18CSB | 18W/220V                          | 1170-1300              | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K | 213x213x30                     | 20                      | 341.000     |
|              | NPL246S     | NPL246SB | 24W/<br>220V                      | 1700                   | Trắng 6500K                   | 288x288x32                     | 10                      | 445.000     |
|              | NPL244S     | NPL244SB |                                   | 1550                   | Trung tính 4000K              |                                |                         |             |
|              | NPL243S     | NPL243SB |                                   | 1500                   | Vàng 3000K                    |                                |                         |             |
|              | NPL24CSW    | NPL24CSB | 24W/220V                          | 1500-1700              | Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K | 288x288x32                     | 10                      | 514.000     |

ĐÈN ỒP TRẦN NỔI CẢM BIẾN



\* Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa

\* Thiết kế dạng lắp nổi tiện sử dụng, thích hợp cho khu vực không đóng trần thạch cao

\* Đèn tự động bật khi có người chuyển động vào vùng phát hiện của cảm biến

\* Đèn tự động tắt sau 30-45 giây kết thúc chuyển động



Đèn Panel ốp nổi cảm biến loại tròn

| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|--------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| NPL126RS    | 12W/220V                          | 840                    | Trắng 6500K  | Ø 171/ H38                     | 20                      | 419.000     |
| NPL186RS    | 18W/220V                          | 1300                   |              | Ø 224/ H38                     | 20                      | 495.000     |
| NPL246RS    | 24W/220V                          | 1700                   |              | Ø 300/ H38                     | 10                      | 662.000     |



Đèn Panel ốp nổi cảm biến loại vuông

| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|--------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| NPL126SS    | 12W/220V                          | 840                    | Trắng 6500K  | 170x170x38                     | 20                      | 437.000     |
| NPL186SS    | 18W/220V                          | 1300                   |              | 225x225x38                     | 20                      | 515.000     |
| NPL246SS    | 24W/220V                          | 1700                   |              | 300x300x38                     | 10                      | 692.000     |



ProClub

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu

\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

\*Giá bán đã bao gồm VAT

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

## ĐÈN BACKLIT OFFICE PANEL - MARIS SERIES



\*Chất liệu: Khung thân đèn kim loại, chịu nhiệt tốt, tuổi thọ cao  
 \*LED được bố trí phía sau khung đèn, phát sáng xuyên qua tấm tán quang và đi thẳng ra ngoài, do đó có hiệu suất chiếu sáng cao 100lm/W

\* Với 3 cách lắp đặt: thả trần, âm trần và treo trần



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|------------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| NPLB303061  | 18W/ 220V                         | 1800                   | Trắng 6500K      | 300x300x30                     | 10                      | 449.000     |
| NPLB303041  |                                   |                        | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NPLB306061  | 24W/220V                          | 2400                   | Trắng 6500K      | 300x600x30                     | 5                       | 490.000     |
| NPLB306041  |                                   |                        | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NPLB606061  | 40W/220V                          | 4000                   | Trắng 6500K      | 600x600x30                     | 5                       | 700.000     |
| NPLB606041  |                                   |                        | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NPLB301261  | 40W/220V                          | 4000                   | Trắng 6500K      | 300x1200x30                    | 5                       | 835.000     |
| NPLB301241  |                                   |                        | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NPLB601261  | 60W/220V                          | 6000                   | Trắng 6500K      | 600x1200x30                    | 5                       | 1.460.000   |
| NPLB601241  |                                   |                        | Trung tính 4000K |                                |                         |             |

## Phụ kiện cho Đèn Backlit Office Panel - Maris series



**NPLB1-R4**  
 Bộ 4 tai đèn gắn âm trần

41.000



**NPLB1-H4**  
 Bộ 2 dây đèn gắn treo trần  
 Chiều dài dây treo 1.5m

66.000

## ĐÈN BACKLIT OFFICE PANEL



\*Chất liệu: Khung thân đèn kim loại, chịu nhiệt tốt, tuổi thọ cao  
 \*LED được bố trí phía sau khung đèn, phát sáng xuyên qua tấm tán quang và đi thẳng ra ngoài, do đó có hiệu suất chiếu sáng cao 95lm/W

\* Với 3 cách lắp đặt: thả trần, âm trần và treo trần



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|------------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| NPLB30306   | 18W/220V                          | 1700                   | Trắng 6500K      | 295x295x30                     | 10                      | 530.000     |
| NPLB30304   |                                   |                        | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NPLB60606   | 40W/220V                          | 4000                   | Trắng 6500K      | 595x595x30                     | 5                       | 701.000     |
| NPLB60604   |                                   |                        | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NPLB30126   | 40W/220V                          | 4000                   | Trắng 6500K      | 295x1195x30                    | 5                       | 970.000     |
| NPLB30124   |                                   |                        | Trung tính 4000K |                                |                         |             |

## Phụ kiện dùng cho Đèn Backlit Office Panel



**NPLB-R4**  
 Bộ 4 tai đèn gắn âm trần

41.000



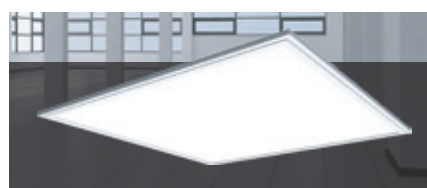
**NPLB-H4**  
 Bộ 4 dây đèn gắn treo trần  
 Chiều dài dây treo 1m

66.000

## ĐÈN SIDELIT OFFICE PANEL



\*Chất liệu: Khung thân đèn kim loại, chịu nhiệt tốt, tuổi thọ cao  
 \*LED được bố trí theo viền khung đèn, phát sáng xuyên qua tấm tán quang, tấm phản quang, tấm tán quang.  
 Do đó phân bố ánh sáng đều dịu nhẹ, không quá chói.  
 \*Thiết kế dạng tấm siêu mỏng, hiện đại thích hợp sử dụng lắp đặt cho văn phòng...  
 \* Với 3 cách lắp đặt: thả trần, âm trần và treo trần



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|------------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| NPL30306    | 18W/220V                          | 1600                   | Trắng 6500K      | 295x295x8.8                    | 10                      | 641.000     |
| NPL30304    |                                   | 1600                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NPL30303    |                                   | 1520                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |
| NPL30606    | 24W/220V                          | 2100                   | Trắng 6500K      | 595x295x8.8                    | 5                       | 788.000     |
| NPL30604    |                                   | 2100                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NPL30603    |                                   | 1995                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |
| NPL60606    | 40W/220V                          | 3600                   | Trắng 6500K      | 595x595x8.8                    | 5                       | 956.000     |
| NPL60604    |                                   | 3600                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NPL60603    |                                   | 3420                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |
| NPL30126    | 40W/220V                          | 3600                   | Trắng 6500K      | 1195x295x9.4                   | 5                       | 1.110.000   |
| NPL30124    |                                   | 3600                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NPL30123    |                                   | 3420                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |
| NPL60126    | 60W/220V                          | 5400                   | Trắng 6500K      | 1195x595x9.4                   | 4                       | 2.663.000   |
| NPL60124    |                                   | 5400                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NPL60123    |                                   | 5130                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |

## Phụ kiện dùng cho đèn Sidelit Office Panel



**NPL-R4**  
 Bộ 4 tai đèn gắn âm trần

41.000



**NPL-H4**  
 Bộ 4 dây đèn gắn treo trần  
 Chiều dài dây treo 1m

66.000

\*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
 \*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub



BÓNG ĐÈN BULB TRỤ E27

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



\* Bóng đèn đạt Hiệu suất năng lượng, dán Nhãn năng lượng (Bộ Công Thương) và Chứng nhận Hợp quy sản phẩm đèn LED theo QCVN: 09/2019 (BKHCN)

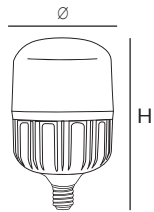


BÓNG BULB TRỤ E27  
TITAN SERIES - IP 20

\* Chất liệu: thân đèn nhôm nhựa, chóa đèn nhựa trắng sữa

\* Thiết kế kích thước lớn với phần chiếu sáng rộng, độ sáng cao 100 lm/W cho hiệu quả chiếu sáng tối ưu

\* Sử dụng chip LED Seoul Semiconductor



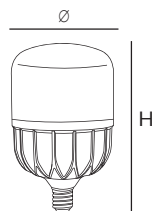
| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|--------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| NLBT206     | 20W/220V                          | 2000                   | Trắng 6500K  | Φ80/ H140                      | 40                      | 113.000     |
| NLBT203     |                                   | 1800                   | Vàng 3000K   | Φ80/ H140                      | 40                      | 113.000     |
| NLBT306     | 30W/220V                          | 3000                   | Trắng 6500K  | Φ100/ H172                     | 12                      | 155.000     |
| NLBT303     |                                   | 2700                   | Vàng 3000K   | Φ100/ H172                     | 12                      | 155.000     |
| NLBT406     | 40W/220V                          | 4000                   | Trắng 6500K  | Φ120/ H205                     | 12                      | 211.000     |
| NLBT403     |                                   | 3600                   | Vàng 3000K   | Φ120/ H205                     | 12                      | 211.000     |
| NLBT506     | 50W/220V                          | 5000                   | Trắng 6500K  | Φ140/ H242                     | 12                      | 288.000     |
| NLBT503     |                                   | 4500                   | Vàng 3000K   | Φ140/ H242                     | 12                      | 288.000     |



BÓNG BULB TRỤ E27  
LOTUS SERIES - IP 20

\* Chất liệu: thân đèn nhôm nhựa, chóa đèn nhựa trắng sữa

\* Độ sáng cao 80lm/W



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|------------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| NLB206      | 20W/220V                          | 1600                   | Trắng 6500K      | Φ70/ H123                      | 60                      | 110.000     |
| NLB204      |                                   | 1600                   | Trung tính 4000K | Φ70/ H123                      | 60                      | 110.000     |
| NLB203      |                                   | 1520                   | Vàng 3000K       | Φ70/ H123                      | 60                      | 110.000     |
| NLB306      | 30W/220V                          | 2400                   | Trắng 6500K      | Φ80/ H141                      | 40                      | 148.000     |
| NLB303      |                                   | 2280                   | Vàng 3000K       | Φ80/ H141                      | 40                      | 148.000     |
| NLB406      |                                   | 3200                   | Trắng 6500K      | Φ100/ H168                     | 12                      | 205.000     |
| NLB404      | 40W/220V                          | 3200                   | Trung tính 4000K | Φ100/ H168                     | 12                      | 205.000     |
| NLB403      |                                   | 3050                   | Vàng 3000K       | Φ100/ H168                     | 12                      | 205.000     |
| NLB504      |                                   | 4000                   | Trung tính 4000K | Φ118/ H194                     | 12                      | 283.000     |
| NLB503      | 50W/220V                          | 3800                   | Vàng 3000K       | Φ118/ H194                     | 12                      | 283.000     |
| NLB604      |                                   | 4800                   | Trung tính 4000K | Φ138/ H222                     | 6                       | 354.000     |
| NLB603      |                                   | 4560                   | Vàng 3000K       | Φ138/ H222                     | 6                       | 354.000     |



(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

## BÓNG ĐÈN BULB TRÒN E27

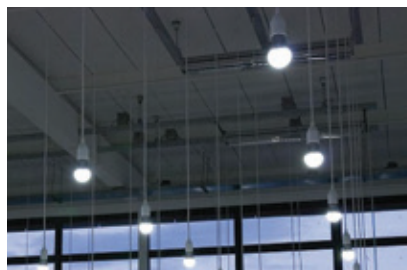


\* Chất liệu: thân đèn nhôm nhựa, chóa đèn nhựa trắng sữa

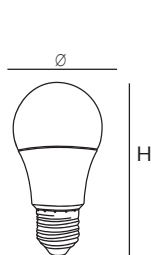
\* Thiết kế dạng tròn nhỏ gọn tiện sử dụng, sử dụng dui đèn E27 phù hợp với các loại đèn thông dụng

\* Độ sáng cao 100 lm/W cho hiệu quả chiếu sáng tối ưu

\* Sử dụng chip LED Seoul Semiconductor



\* Bóng đèn đạt Hiệu suất năng lượng, dán Nhân năng lượng (Bộ Công Thương) và Chứng nhận Hợp quy sản phẩm đèn LED theo QCVN: 09/2019 (BKHCN)



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|--------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| NLBA036     | 3W/220V                           | 300                    | Trắng 6500K  | Φ50/ H85                       | 60                      | 42.000      |
| NLBA033     |                                   | 285                    | Vàng 3000K   |                                |                         |             |
| NLBA056     | 5W/220V                           | 500                    | Trắng 6500K  | Φ55/ H100                      | 60                      | 47.000      |
| NLBA053     |                                   | 475                    | Vàng 3000K   |                                |                         |             |
| NLBA076     | 7W/220V                           | 700                    | Trắng 6500K  | Φ60/ H108                      | 60                      | 56.000      |
| NLBA073     |                                   | 665                    | Vàng 3000K   |                                |                         |             |
| NLBA096     | 9W/220V                           | 900                    | Trắng 6500K  | Φ60/ H118                      | 60                      | 65.000      |
| NLBA093     |                                   | 855                    | Vàng 3000K   |                                |                         |             |
| NLBA126     | 12W/220V                          | 1200                   | Trắng 6500K  | Φ70/ H138                      | 60                      | 74.000      |
| NLBA123     |                                   | 1140                   | Vàng 3000K   |                                |                         |             |
| NLBA156     | 15W/220V                          | 1500                   | Trắng 6500K  | Φ80/ H155                      | 40                      | 93.000      |
| NLBA153     |                                   | 1425                   | Vàng 3000K   |                                |                         |             |
| NLBA206     | 20W/220V                          | 2000                   | Trắng 6500K  | Φ95/ H187                      | 12                      | 132.000     |
| NLBA203     |                                   | 1900                   | Vàng 3000K   |                                |                         |             |
| NLBA306     | 30W/220V                          | 3000                   | Trắng 6500K  | Φ120/ H232                     | 12                      | 181.000     |
| NLBA303     |                                   | 2850                   | Vàng 3000K   |                                |                         |             |

| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|--------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| NLB036      | 3W/220V                           | 250                    | Trắng 6500K  | Φ50/ H88                       | 60                      | 39.000      |
| NLB053      | 5W/220V                           | 425                    | Vàng 3000K   | Φ55/ H101                      | 60                      | 45.000      |
| NLB076      | 7W/220V                           | 600                    | Trắng 6500K  | Φ60/ H113                      | 60                      | 49.000      |
| NLB073      |                                   | 570                    | Vàng 3000K   |                                |                         |             |
| NLB096      | 9W/220V                           | 806                    | Trắng 6500K  | Φ60/ H113                      | 60                      | 59.000      |
| NLB093      |                                   | 765                    | Vàng 3000K   |                                |                         |             |
| NLB113      | 11W/220V                          | 1000                   | Vàng 3000K   | Φ60/ H116                      | 60                      | 66.000      |
| NLB143      | 14W/220V                          | 1450                   | Vàng 3000K   | Φ70/ H133                      | 60                      | 89.000      |

## BÓNG ĐÈN BULB NÔNG NGHIỆP HOA CÚC



\* Chất liệu thân đèn nhôm nhựa, chóa nhựa trong, dùng dui đèn E27

\* Sử dụng công nghệ chiếu sáng nhân tạo bằng đèn Led chuyên dụng giúp tiết kiệm điện và điều tiết sinh trưởng của hoa cúc



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|--------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| NLBC093     | 09W/220V                          | 900                    | Vàng 3000K   | Φ60/ H108                      | 60                      | 68.000      |

## BÓNG ĐÈN BULB TRANG TRÍ E27



\* Chất liệu: thân đèn nhựa, chóa đèn nhựa

\* Thiết kế dạng tròn nhỏ gọn tiện sử dụng, sử dụng dui đèn E27 phù hợp với các loại đèn thông dụng

| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Màu sắc    | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| NLB02W      | 1.5W/220V                         | Trắng      | Φ45/ H68                       | 100                     | 22.000      |
| NLB02Y      |                                   | Vàng       |                                |                         |             |
| NLB02O      |                                   | Cam        |                                |                         |             |
| NLB02R      |                                   | Đỏ         |                                |                         |             |
| NLB02B      |                                   | Xanh dương |                                |                         |             |
| NLB02G      |                                   | Xanh lục   |                                |                         |             |
| NLB02P      |                                   | Hồng       |                                |                         |             |
| NLB02V      |                                   | Tím        |                                |                         |             |

\*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

**ProClub**



(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

## ĐÈN TUYÁP T8



\* Bóng đèn đạt Hiệu suất năng lượng, dán nhãn năng lượng [Bô Công Thương] và Chứng nhận Hợp quy sản phẩm đèn LED theo QCVN: 09/2019 (BKHCN)



### BÓNG ĐÈN TUYÁP T8 THỦY TINH

SIÊU TIẾT KIỆM  
SIÊU SÁNG - ĐỘ SÁNG TĂNG 30%

#### BÓNG ĐÈN TUYÁP T8 THỦY TINH



\* Chất liệu: Thân đèn thủy tinh  
\* Độ sáng cao (115-120lm/W)  
\* Thiết kế dạng bóng tuýp truyền thống tiện sử dụng và thay thế

| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng | Kích thước<br>sản phẩm | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|--------------|------------------------|-------------------------|-------------|
| NT8T106     | 10W/220V                          | 1200                   | Trắng 6500K  | Dài 0.6m               | 25                      | 79.000      |
| NT8T103     |                                   | 1150                   | Vàng 3000K   |                        |                         |             |
| NT8T206     | 20W/220V                          | 2400                   | Trắng 6500K  | Dài 1.2m               | 25                      | 107.000     |
| NT8T203     |                                   | 2250                   | Vàng 3000K   |                        |                         |             |
| NT8T406     | 40W/220V                          | 4000                   | Trắng 6500K  | Dài 1.2m               | 25                      | 125.000     |
| NT8T403     |                                   | 4000                   | Vàng 3000K   |                        |                         |             |

#### BÓNG ĐÈN TUYÁP T8 THỦY TINH BỌC NHỰA

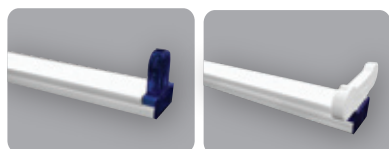


\* Chất liệu: thân đèn thủy tinh có bọc nhựa PET giúp bóng đèn bền và an toàn hơn  
\* Thiết kế dạng bóng tuýp truyền thống tiện sử dụng và thay thế

| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng | Kích thước<br>sản phẩm | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|--------------|------------------------|-------------------------|-------------|
| NT8T0961    | 9W/220V                           | 900                    | Trắng 6500K  | Dài 0.6m               | 25                      | 81.000      |
| NT8T0931    |                                   | 860                    | Vàng 3000K   |                        |                         |             |
| NT8T1861    | 18W/220V                          | 1800                   | Trắng 6500K  | Dài 1.2m               | 25                      | 114.000     |
| NT8T1831    |                                   | 1750                   | Vàng 3000K   |                        |                         |             |
| NT8T226     | 22W/220V                          | 2200                   | Trắng 6500K  | Dài 1.2m               | 25                      | 132.000     |
| NT8T223     |                                   | 2010                   | Vàng 3000K   |                        |                         |             |

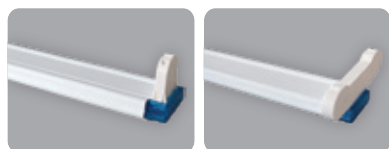
## MÁNG ĐÈN TUYÁP T8

\* Chất liệu: thân đèn kim loại dày 0.3mm, sơn tĩnh điện trắng  
\* Đầu đèn nhựa xanh trong ABS (máng đơn), nhựa trắng PC (máng đôi), pát đỡ dui đèn gấp (máng đơn) tiện sử dụng  
\* Thiết kế thích hợp sử dụng bóng đèn LED tuýp T8 truyền thống dễ lắp đặt và thay thế



| Mã sản phẩm | Điện thế<br>sử dụng | Đầu đèn | Kích thước sản phẩm<br>(mm) | Loại           | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|---------------------|---------|-----------------------------|----------------|-------------------------|-------------|
| NT8F106     | 220V                | G13     | 35x618x18                   | 1 bóng T8 0.6m | 25                      | 45.000      |
| NT8F112     | 220V                | G13     | 35x1228x18                  | 1 bóng T8 1.2m | 25                      | 53.000      |
| NT8F212     | 220V                | G13     | 40x1228x23                  | 2 bóng T8 1.2m | 25                      | 91.000      |

\* Chất liệu: thân đèn kim loại dày 0.3mm, sơn tĩnh điện trắng  
\* Đầu đèn nhựa trắng PC, pát đỡ dui đèn nhựa ABS xanh trong  
\* Thiết kế thích hợp sử dụng bóng đèn LED tuýp T8 truyền thống dễ lắp đặt và thay thế



| Mã sản phẩm | Điện thế<br>sử dụng | Đầu đèn | Kích thước sản phẩm<br>(mm) | Loại           | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|---------------------|---------|-----------------------------|----------------|-------------------------|-------------|
| NT8F109N    | 220V                | G13     | 43.5x620x18.5               | 1 bóng T8 0.6m | 25                      | 73.000      |
| NT8F118N    | 220V                | G13     | 43.5x1230x18.5              | 1 bóng T8 1.2m | 25                      | 95.000      |
| NT8F218N    | 220V                | G13     | 43.5x1230x18.5              | 2 bóng T8 1.2m | 25                      | 114.000     |

## MÁNG ĐÈN KÍN NƯỚC



\* Chất liệu: thân nhựa PC màu xám, chóa nhựa trong  
\* Độ chống nước cao IP65 thích hợp sử dụng nơi có độ ẩm cao  
\* Nhiệt độ sử dụng thích hợp từ -20 đến 40°C  
\* Sử dụng với bóng LED tuýp T8  
\* Sản phẩm không kèm bóng



Máng loại 1 bóng



Máng loại 2 bóng

### AN TOÀN - BỀN BỈ



| Mã sản phẩm | Điện thế<br>sử dụng | Kích thước sản phẩm<br>(mm) | Loại           | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|---------------------|-----------------------------|----------------|-------------------------|-------------|
| NWP106      | 220V                | 660 x 70 x 75               | 1 bóng T8 0.6m | 18                      | 268.000     |
| NWP112      |                     | 1270 x 70 x 75              | 1 bóng T8 1.2m | 12                      | 453.000     |
| NWP212      |                     | 1270 x 110 x 72             | 2 bóng T8 1.2m | 8                       | 608.000     |

\*Giá bán đã bao gồm VAT



(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

## BỘ MẮNG ĐÈN T8

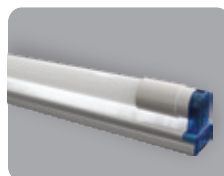


\* Bóng đèn đạt tiêu chuẩn Hiệu suất năng lượng và dán Nhân năng lượng (Bộ Công Thương) và Chứng nhận Hợp quy sản phẩm đèn LED theo QCVN: 09/2019 (BKHCN)

### BỘ MẮNG ĐÈN T8 THỦY TINH

\* Chất liệu: thân máng đèn kim loại dày 0.3mm, đầu máng loại gấp tiện dụng, bóng đèn thủy tinh phủ sơn bột trắng

\* Độ sáng cao: 115-120Lm/W  
\* Thiết kế truyền thống dễ dàng lắp đặt và thay thế



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Loại đơn (1 bóng)<br>(Mã máng + Mã bóng) | Đóng gói<br>(bộ/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|--------------|--------------------------------|------------------------------------------|------------------------|-------------|
| NT8F1106    | 10W/220V                          | 1200                   | Trắng 6500K  | 35 x 618 x 18                  | NT8F106 + NT8T106                        | 15                     | 125.000     |
| NT8F1103    |                                   | 1150                   | Vàng 3000K   |                                | NT8F106 + NT8T103                        |                        |             |
| NT8F1206    | 20W/220V                          | 2400                   | Trắng 6500K  | 35 x 1228 x 18                 | NT8F112 + NT8T206                        | 15                     | 163.000     |
| NT8F1203    |                                   | 2250                   | Vàng 3000K   |                                | NT8F112 + NT8T203                        |                        |             |
| NT8F1406    | 40W/220V                          | 4000                   | Trắng 6500K  | 35 x 1228 x 18                 | NT8F112 + NT8T406                        | 15                     | 187.000     |
| NT8F1403    |                                   | 4000                   | Vàng 3000K   |                                | NT8F112 + NT8T403                        |                        |             |

### BỘ MẮNG ĐÈN T8 THỦY TINH BỌC NHỰA

\* Chất liệu: thân máng đèn kim loại dày 0.3mm, bóng đèn thủy tinh có bọc nhựa PET giúp bóng đèn bền và an toàn

\* Độ sáng cao: 95-100Lm/W  
\* Thiết kế truyền thống dễ dàng lắp đặt và thay thế



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Loại đơn (1 bóng)<br>(Mã máng + Mã bóng) | Đóng gói<br>(bộ/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|--------------|--------------------------------|------------------------------------------|------------------------|-------------|
| NT8F109N6   | 9W/220V                           | 900                    | Trắng 6500K  | 43.5 x 620 x 18.5              | NT8F109N + NT8T0961                      | 15                     | 147.000     |
| NT8F109N3   |                                   | 860                    | Vàng 3000K   |                                | NT8F109N + NT8T0931                      |                        |             |
| NT8F118N6   | 18W/220V                          | 1800                   | Trắng 6500K  | 43.5 x 1230 x 18.5             | NT8F118N + NT8T1861                      | 15                     | 206.000     |
| NT8F118N3   |                                   | 1750                   | Vàng 3000K   |                                | NT8F118N + NT8T1831                      |                        |             |

## ĐÈN BÁN NGUYỆT



\* Chất liệu: Nhựa PC nguyên khối

\* Sử dụng LED Seoul Semiconductor



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|--------------------------------|------------------------|------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------|
| NSHE206     | 20W/220V                       | 2000                   | Trắng 6500K      | 600 x 60 x 28               | 10                      | 160.000     |
| NSHE204     |                                |                        | Trung tính 4000K |                             |                         |             |
| NSHE203     |                                |                        | Vàng 3000K       |                             |                         |             |
| NSHE406     | 40W/220V                       | 4000                   | Trắng 6500K      | 1200 x 60 x 28              |                         | 230.000     |
| NSHE404     |                                |                        | Trung tính 4000K |                             |                         |             |
| NSHE403     |                                |                        | Vàng 3000K       |                             |                         |             |



\* Chất liệu: Khung đèn bằng nhôm sơn trắng, đầu đèn nhựa ABS, chóa nhựa trắng PC  
\* Ứng dụng nhiều trong chiếu sáng gia đình, phòng khách, trường học, nhà xưởng, bệnh viện, ngoài ra với thiết kế sang trọng, hiện đại đèn cũng được ưa chuộng trong trang trí như chiếu sáng showroom, khách sạn, văn phòng làm việc,...

\* Sản xuất tại Việt Nam  
\* Sử dụng LED Bridgelux



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|------------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| NSHV186     | 18W/220V                          | 1800                   | Trắng 6500K      | 600 x 75 x 30                  | 10                      | 199.000     |
| NSHV184     |                                   | 1800                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NSHV183     |                                   | 1710                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |
| NSHV366     | 36W/220V                          | 3600                   | Trắng 6500K      | 1200 x 75 x 30                 | 10                      | 320.000     |
| NSHV364     |                                   | 3600                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NSHV363     |                                   | 3420                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |
| NSHV456     | 45W/220V                          | 4500                   | Trắng 6500K      | 1200 x 75 x 30                 | 10                      | 340.000     |
| NSHV454     |                                   | 4500                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NSHV453     |                                   | 4275                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |



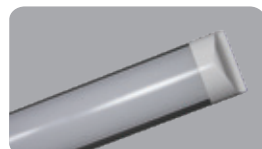
\* Chất liệu: Khung đèn nhôm màu trắng, chóa nhựa PC



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|------------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| NSHO206     | 20W/220V                          | 2000                   | Trắng 6500K      | 600 x 61 x 31                  | 10                      | 202.000     |
| NSHO204     |                                   | 2000                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NSHO203     |                                   | 1820                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |
| NSHO406     | 40W/220V                          | 4000                   | Trắng 6500K      | 1200 x 61 x 31                 | 10                      | 328.000     |
| NSHO404     |                                   | 4000                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NSHO403     |                                   | 3630                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |
| NSHO606     | 60W/220V                          | 6600                   | Trắng 6500K      | 1200 x 86 x 30                 | 10                      | 410.000     |
| NSHO604     |                                   | 6600                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NSHO603     |                                   | 6000                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |



\* Chất liệu: Khung đèn bằng nhôm màu bạc, đầu đèn nhựa ABS, chóa nhựa trắng PC



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|------------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| NSH186      | 18W/220V                          | 1600                   | Trắng 6500K      | 600 x 75 x 27                  | 10                      | 249.000     |
| NSH184      |                                   |                        | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NSH183      |                                   |                        | Vàng 3000K       |                                |                         |             |
| NSH366      | 36W/220V                          | 3000                   | Trắng 6500K      | 1200 x 75 x 27                 |                         | 425.000     |
| NSH364      |                                   |                        | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NSH363      |                                   |                        | Vàng 3000K       |                                |                         |             |

\*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub



ĐÈN BÀN

\* Khi mua tặng kèm 1 bóng bulb 5W sử dụng dui đèn E27

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



- NDKC01P** - Đèn bàn thỏ hồng  
**NDKC01BE** - Đèn bàn thỏ xanh dương
- Cầu đèn linh hoạt dễ dàng điều chỉnh chiều cao và góc chiếu
  - Chất liệu: Thân đèn nhựa, chóa đèn kim loại, dui đèn sứ
  - Kích thước: 125 x 145 x 410 mm
  - Đóng gói: 6 cái/ thùng

235.000



- NDKC03WG** - Đèn bàn xanh lá  
**NDKC03WGY** - Đèn bàn xám  
**NDKC03WP** - Đèn bàn hồng
- Chóa đèn linh hoạt dễ dàng điều chỉnh góc chiếu
  - Chất liệu: Thân và chóa đèn kim loại, đế gỗ
  - Kích thước: 165 x 165 x 400mm
  - Đóng gói: 6 cái/ thùng

395.000



- NDKC02W** - Đèn bàn trắng  
**NDKC02B** - Đèn bàn đen
- Cầu đèn linh hoạt dễ dàng điều chỉnh chiều cao và góc chiếu
  - Chất liệu: Thân đèn nhựa, chóa đèn kim loại, dui đèn sứ
  - Kích thước: 125 x 142 x 378mm
  - Đóng gói: 6 cái/ thùng

217.000



- NDKC04IB** - Đèn bàn vàng đen
- Thiết kế cổ điển sang trọng
  - Điều chỉnh chiều cao và góc chiếu ở 2 vị trí khóa vận
  - Chất liệu: Hợp kim cao cấp
  - Kích thước: 178 x 178 x 420mm
  - Đóng gói: 6 cái/ thùng

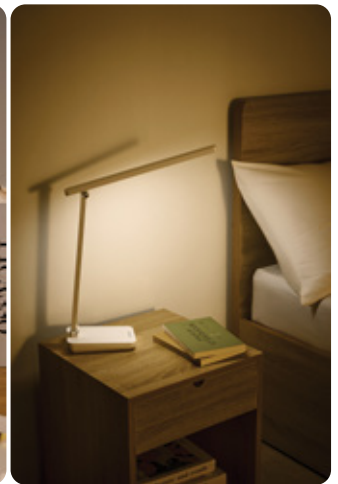
610.000

ĐÈN BÀN LED - NESSA SERIES



- NDKR908** - Trắng
- Công suất: 8W
  - Điện áp: Đầu ra DC24V, đầu vào 100-240V
  - Quang thông: 490lm - Độ rọi: 1800lux
  - Màu ánh sáng: Vàng 2700K - Trung tính 4000K - Trắng 6500K
  - Tính năng:
    - + Điều chỉnh độ sáng 3 cấp độ, màu ánh sáng 3 cấp độ
    - + Tích hợp điều chỉnh màu đèn ngủ vô cấp ở đèn
  - Chất liệu: Nhựa ABS
  - Kích thước: 149x150x311mm
  - Kèm adapter
  - Đóng gói: 8 cái/thùng

865.000



- NDKC618** - Trắng
- Công suất: 8W
  - Điện áp: Đầu ra DC5V, đầu vào 100-240V
  - Quang thông: 480lm - Độ rọi: 1200lux
  - Màu ánh sáng: Vàng 2700K - Trung tính 4000K - Trắng 6500K
  - Tính năng:
    - + Điều chỉnh độ sáng 6 cấp độ, màu ánh sáng 3 cấp độ
    - + Tích hợp điều chỉnh pin lithium dùng khi mất điện: thời gian sạc 4h, thời gian sử dụng 2h30
    - + Tích hợp đèn ngủ ở để đèn
  - Chất liệu: Nhựa ABS
  - Kích thước: 375x170x405mm
  - Không kèm adapter (đầu ra cấp sạc USB, dùng với adapter 5V 2A)
  - Đóng gói: 12 cái/thùng

1.030.000



- NDKR478** - Trắng
- Công suất: 8W
  - Điện áp: Đầu ra DC24V, đầu vào 100-240V
  - Quang thông: 400lm - Độ rọi: 1600lux
  - Màu ánh sáng: Vàng 2700K - Trung tính 4000K - Trắng 6500K
  - Tính năng:
    - + Điều chỉnh độ sáng 6 cấp độ, màu ánh sáng 5 cấp độ
    - + Tích hợp mặt đồng hồ điện tử (thể hiện thời gian, ngày, nhiệt độ, báo thức)
  - Chất liệu: Nhựa ABS
  - Kích thước: 340x160x384mm
  - Kèm adapter, kèm pin CR2032 dùng cho mặt đồng hồ
  - Đóng gói: 8 cái/thùng

1.130.000



- NDKC668** - Trắng bạc
- Công suất: 8W
  - Điện áp: Đầu ra DC24V, đầu vào 100-240V
  - Quang thông: 560lm - Độ rọi: 1155lux
  - Màu ánh sáng: Vàng 2700K - Trung tính 4000K - Trắng 6500K
  - Tính năng: Điều chỉnh độ sáng 3 cấp độ, màu ánh sáng 3 cấp độ
  - Chất liệu: Thân đèn nhôm cao cấp, đế đèn nhựa ABS
  - Kích thước: 445x130x394mm
  - Kèm adapter
  - Đóng gói: 12 cái/thùng

1.130.000

ĐÈN BÀN LED



- NDK10WC** - Đèn bàn LED
- Công suất/ Điện thế sử dụng: 10W/Cốc sạc DC 5V 2A
  - Pin Lithium 18650 3.7V, dung lượng 1500mAh
  - Quang thông: 400lm
  - Tùy chỉnh nhiệt độ màu 3500K - 4000K - 4500K
  - Trọng lượng: 0.709kg
  - Kích thước: 130 x 150 x 350mm
  - Đóng gói: 6 cái/ thùng

- \* Chất liệu: Nhựa ABS trắng
- \* Cầu đèn linh hoạt dễ dàng điều chỉnh chiều cao và góc chiếu
- \* Độ rọi trên bàn 1300lux đảm bảo độ sáng học tập và làm việc
- \* Điều chỉnh cường độ sáng vô cấp bằng phím cảm ứng một chạm
- \* Thời gian sạc 4h, thời gian sử dụng 1,5h khi mất điện
- \* Tính năng hẹn giờ tắt 30 phút
- \* Tích hợp khay đựng bút và giá đỡ điện thoại tiện dụng
- \* Kèm dây cáp USB

507.000

CỐC SẠC USB



- \* Đầu USB type A
- \* Loại chân cắm đẹp

- NUC5V2A**
- Công suất: Max 10.5W
  - Đầu vào: 100-240V, 50-60Hz, 0.22A
  - Đầu ra: 5V-2.1A
  - Chất liệu: nhựa ABS màu trắng
  - Trọng lượng: 0.2kg
  - Kích thước: 35 x 45 x 23mm
  - Đóng gói: 1 cái/vì, 30 cái/ thùng

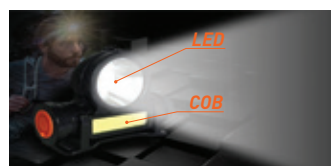
99.000



(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

## ĐÈN ĐỘI ĐẦU

- \* Chất liệu: Nhựa ABS
- \* Pin Lithium 1200mAh
- \* Thời gian hoạt động 4h
- \* Thời gian sạc 8h



IP 44



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng | Kích thước sản phẩm<br>Dài x Rộng x Cao<br>(mm) | Chế độ                                            | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|--------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------|-------------|
| NHL0361B    | 3.5W/<br>Cổng sạc DC<br>5V 2A     | 260                    | Trắng        | 84 x 30 x 68                                    | LED - FLASH - COB - OFF                           | 30                      | 117.000     |
| NHL0362B    |                                   | 300                    | Trắng        | 84 x 30 x 45                                    | LED - COB - OFF<br>nhấn giữ điều chỉnh<br>độ sáng |                         |             |

## ĐÈN BẮT MUỖI



IP 20

- \* Chất liệu: Nhựa ABS
- \* Chiều dài dây 1,2m
- \* Tặng kèm 1 cây cọ vệ sinh
- \* Khay đựng xác côn trùng để dàng tháo lắp, vệ sinh

- \* Thu hút muỗi bằng bước sóng ánh sáng 365nm, từ nhiều hướng 360°
- \* Tiêu diệt nhanh muỗi và các loại côn trùng nhờ lưới điện mạnh mẽ
- \* Nên đặt đèn ở nơi tối, độ cao từ 1m đến 2m, xuất hiện nhiều muỗi để đạt hiệu suất cao nhất



NML06B

| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Lưới điện<br>(V) | Diện tích sử dụng<br>(m²) | Kích thước sản phẩm<br>(mm) | Trọng<br>lượng<br>(kg) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------|---------------------------|-----------------------------|------------------------|-------------------------|-------------|
| NML06B      | 06W/220V                          | 800-1000V        | 16                        | 138 x 292                   | 0.6                    | 6                       | 391.000     |
| NML18B      | 18W/220V                          | 3500-4000V       | 65                        | 218 x 380                   | 0.9                    | 6                       | 845.000     |
| NML18B1     | 18W/220V                          | 4000V            | 100                       | 170 x 170 x 28.5            | 0.9                    | 6                       | 720.000     |



NML18B



NML18B1



DIỆT MUỖI/ CÔN TRÙNG



LƯỚI ĐIỆN CỰC MẠNH



NHỰA ABS CAO CẤP

## VỢT MUỖI

An toàn, tiện lợi, luôn bảo vệ gia đình bạn

**NMR103BE - THÔNG MINH 2 IN 1**

- Màu: Kem
- Pin lithium độ bền cao 1200mAh
- 6 đèn thu hút muỗi ánh sáng tím
- Sạc nhanh 2 - 4 tiếng
- Xả điện nhanh giúp an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Chất liệu nhựa ABS
- Cổng sạc Type C và dây sạc
- Không bao gồm củ sạc
- Để cầm di động và móc treo
- Đóng gói: 20 cái/thùng

220.000

**NMR102B - Màu xanh dương**  
**NMR102BE - Màu kem**

- Pin lithium độ bền cao 500mAh
- Thời gian sạc đầy: 8 giờ
- Có đèn Led chiếu sáng
- Xả điện nhanh giúp an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Chất liệu nhựa ABS
- Đóng gói: 20 cái/thùng

135.000

**NMR101G - Xanh lá**  
**NMR101P - Hồng**

- Pin lithium độ bền cao 500mAh
- Thời gian sạc đầy: 8 giờ
- Có đèn Led chiếu sáng
- Xả điện nhanh giúp an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Chất liệu nhựa PP
- Đóng gói: 30 cái/thùng

120.000

**XẢ ĐIỆN NHANH**

**AN TOÀN CHO NGƯỜI SỬ DỤNG**

**NMR1040 - Cam**

- 1 đèn LED siêu sáng
- Pin lithium độ bền cao 1200mAh
- Cổng sạc Type-C và dây sạc
- Thời gian sạc đầy 4 - 6 tiếng
- Xả điện nhanh, an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Đèn báo đổi màu khi sạc đầy
- Chất liệu nhựa ABS
- Không bao gồm củ sạc
- Đóng gói: 20 cái/thùng

165.000

**NMR105B - Xanh dương**

- 2 đèn LED siêu sáng
- Pin lithium độ bền cao 1200mAh
- Cổng sạc Type-C và dây sạc
- Thời gian sạc đầy 4 - 6 tiếng
- Xả điện nhanh, an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Đèn báo đổi màu khi sạc đầy
- Chất liệu nhựa ABS
- Không bao gồm củ sạc
- Đóng gói: 20 cái/thùng

165.000

\*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng



(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



## ĐÈN SƯỞI GẮN TƯỜNG



\* Thân đèn nhựa PC  
\* Kèm phụ kiện thanh treo, ốc vít  
\* Chiều dài dây điện 3m

Cảnh báo:  
\* Chỉ sử dụng đèn khi treo trên tường, cách với sàn nhà lớn hơn 2,1m  
\* Bỏ túi nilon bên ngoài đèn trước khi sử dụng

| Mã sản phẩm                                                                                 | Loại   | Công suất/ Điện thế sử dụng | Màu sắc sản phẩm                         | Kích thước sản phẩm (mm) | Đóng gói (cái/thùng) | Giá bán/cái |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-----------------------------|------------------------------------------|--------------------------|----------------------|-------------|
|  NBH634BE  | 2 bóng | 550W/220V/50Hz              | Bề mặt màu beige, thân đèn màu bạc       | 410x191x227              | 6                    | 930.000     |
|  NBH649G  | 2 bóng | 550W/220V/50Hz              | Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu bạc   | 410x189x227              | 6                    | 930.000     |
|  NBH626G | 3 bóng | 825W/220V/50Hz              | Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu trắng | 519x221x233              | 4                    | 1.490.000   |
|  NBH641S | 3 bóng | 825W/220V/50Hz              | Bề mặt màu bạc, thân đèn màu bạc         | 528x225x249              | 4                    | 1.230.000   |
|  NBH650G | 3 bóng | 825W/220V/50Hz              | Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu bạc   | 504x224x249              | 4                    | 1.240.000   |

## ĐÈN SƯỞI ÂM TRẦN

NEW



\* Thân đèn nhựa PC

Cảnh báo:  
\* Chỉ sử dụng đèn khi gắn âm trần, cách với sàn nhà lớn hơn 2,1m  
\* Bỏ túi nilon bên ngoài đèn trước khi sử dụng  
\* Kèm remote, ống dẫn

| Mã sản phẩm                                                                                  | Loại                 | Công suất/ Điện thế sử dụng | Công suất quạt hút (W) | Lưu lượng gió (m³/h) | Kích thước ống dẫn         | Màu sắc sản phẩm                       | Kích thước sản phẩm (mm) | Kích thước khoét trần (mm) | Đóng gói (cái/thùng) | Giá bán/cái |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------|------------------------|----------------------|----------------------------|----------------------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------------|-------------|
|  NBHR201G | Lắp âm 2 bóng remote | 550W + 6W LED 220V/50Hz     | 30                     | 220                  | Ø100mm, chiều dài ống 1.5m | Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu bạc | 400x226x170              | 345x190                    | 4                    | 2.210.000   |
|  NBHR401G | Lắp âm 4 bóng remote | 1100W + 6W LED 220V/50Hz    | 30                     | 220                  | Ø100mm, chiều dài ống 1.5m | Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu bạc | 364x364x175              | 290X290                    | 2                    | 2.600.000   |

## BÓNG ĐÈN SƯỞI E27



| Mã sản phẩm | Loại              | Công suất/ Điện thế sử dụng | Màu sắc sản phẩm      | Kích thước sản phẩm (mm) | Giá bán/cái   |
|-------------|-------------------|-----------------------------|-----------------------|--------------------------|---------------|
| NBH275G     | Bóng rời E27 275W | 275W/220V/50Hz              | Bóng đèn màu vàng E27 | D125xH183                | 20<br>150.000 |



# ĐÈN TRANG TRÍ ĐÈN NGOÀI TRỜI

## ĐÈN THẢ TRẦN NLNF405B

### \*Thiết kế hiện đại

Kiểu dáng tối giản, đường nét tinh tế, dễ dàng phối hợp với nhiều không gian nội thất khác nhau.

### \*Công nghệ LED tiên tiến

Sử dụng chip LED hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng, tản nhiệt hiệu quả và đảm bảo độ bền vượt trội.

### \*Phân bố ánh sáng đều

Chiếu sáng liên tục theo chiều dài đèn, không gây chói, mang lại cảm giác dễ chịu và tập trung khi sử dụng lâu dài.

#### • ĐÈN TRANG TRÍ

ĐÈN TRACKLIGHT  
ĐÈN DOWNLIGHT TRỤ  
ĐÈN THANH RAY NAM CHÂM  
ĐÈN THẢ TRẦN - LINEAR

#### • ĐÈN LED DÂY

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI  
ĐÈN LED DÂY NEON  
ĐÈN LED DÂY COB  
ĐÈN LED DÂY TRONG NHÀ  
ĐÈN LED DÂY ĐỔI MÀU

#### • ĐÈN NGOÀI TRỜI

ĐÈN PHA  
ĐÈN PHA SOLAR  
ĐÈN LED GẮN TƯỜNG  
ĐÈN SÂN VƯỜN  
ĐÈN ẨM ĐẤT  
ĐÈN ẨM LỐI ĐI

#### • ĐÈN CÔNG TRÌNH NHÀ XƯỞNG

ĐÈN KHẨN CẤP THOÁT HIỂM  
ĐÈN HIGHBAY



**ProClub**

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng



ĐÈN TRACK LIGHT T2 - SORA SERIES **NEW**

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

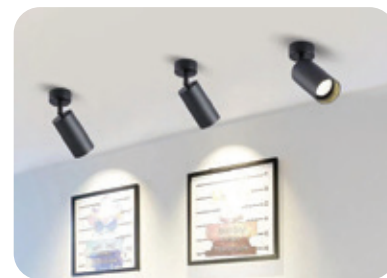


**CRI**  
Ra90



**IP**  
20

\* Chất liệu thân đèn nhôm, chóa đèn nhựa  
\* Đèn tracklight trực tiếp không cần sử dụng với thanh ray



| Mã sản phẩm |          | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|----------|-----------------------------------|------------------------|------------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| Đen         | Trắng    |                                   |                        |                  |                                |                         |             |
| NTRS105B    | NTRS105W | 10W/220V                          | 900                    | Trắng 5000K      | Φ50/ L120                      | 20                      | 390.000     |
| NTRS104B    | NTRS104W |                                   | 900                    | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NTRS103B    | NTRS103W |                                   | 900                    | Vàng 3000K       |                                |                         |             |
| NTRS205B    | NTRS205W | 20W/220V                          | 1800                   | Trắng 5000K      | Φ70/ L150                      | 20                      | 560.000     |
| NTRS204B    | NTRS204W |                                   | 1800                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NTRS203B    | NTRS203W |                                   | 1800                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |

ĐÈN TRACK LIGHT

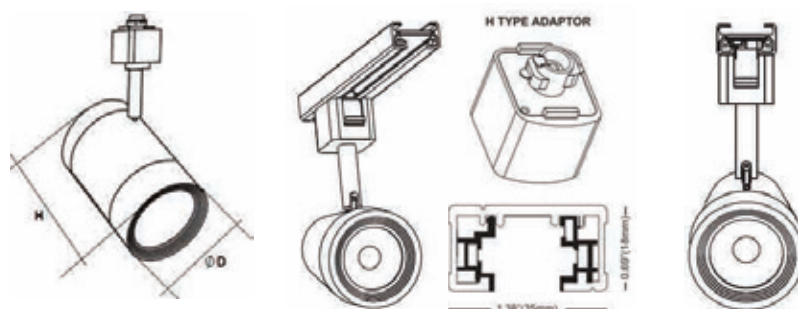


**CRI**  
Ra90



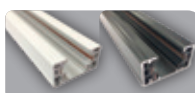
**IP**  
20

\* Chất liệu: Thân đèn nhôm bọc nhựa, chóa đèn nhựa PC  
\* Có thể điều chỉnh đèn xoay 330° theo phương ngang,  
90° theo phương thẳng đứng  
\* Dùng kèm với phụ kiện đèn track light loại H



| Mã sản phẩm |         | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|---------|-----------------------------------|------------------------|------------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| Đen         | Trắng   |                                   |                        |                  |                                |                         |             |
| NTR076B     | NTR076W | 7W/220V                           | 500                    | Trắng 6500K      | Φ60/ H85                       | 20                      | 399.000     |
| NTR074B     | NTR074W |                                   | 500                    | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NTR073B     | NTR073W |                                   | 475                    | Vàng 3000K       |                                |                         |             |
| NTR146B     | NTR146W | 14W/220V                          | 1200                   | Trắng 6500K      | Φ85/ H134                      | 20                      | 599.000     |
| NTR144B     | NTR144W |                                   | 1200                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| NTR143B     | NTR143W |                                   | 1140                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |

Phụ kiện dùng cho Đèn Track Light Nanoco



**NTR-HR1W** - Thanh ray loại H 1m màu trắng  
**NTR-HR1B** - Thanh ray loại H 1m màu đen  
Chứa gồm đầu nối dây nguồn - Kích thước: 35x18mm  
Loại T3 (L+N+PE) 75-270V/50Hz Max20A IP20  
Đóng gói: 12 cái/thùng

295.000



**NTR-CW** - Đầu nối dây nguồn cho thanh ray loại H màu trắng  
**NTR-CB** - Đầu nối dây nguồn cho thanh ray loại H màu đen

Đóng gói: 100 cái/thùng

80.000



**NTR-MCW** - Khớp nối giữa thanh ray loại H màu trắng  
**NTR-MCB** - Khớp nối giữa thanh ray loại H màu đen

Đóng gói: 200 cái/thùng

57.000



**NTR-LCW** - Khớp nối chữ L cho thanh ray loại H màu trắng  
**NTR-LCB** - Khớp nối chữ L cho thanh ray loại H màu đen

Đóng gói: 100 cái/thùng

119.000



**NTR-TCW** - Khớp nối chữ T cho thanh ray loại H màu trắng  
**NTR-TCB** - Khớp nối chữ T cho thanh ray loại H màu đen

Đóng gói: 100 cái/thùng

156.000



**NTR-4CW** - Khớp nối chữ thập cho thanh ray loại H màu trắng  
**NTR-4CB** - Khớp nối chữ thập cho thanh ray loại H màu đen

Đóng gói: 60 cái/thùng

202.000

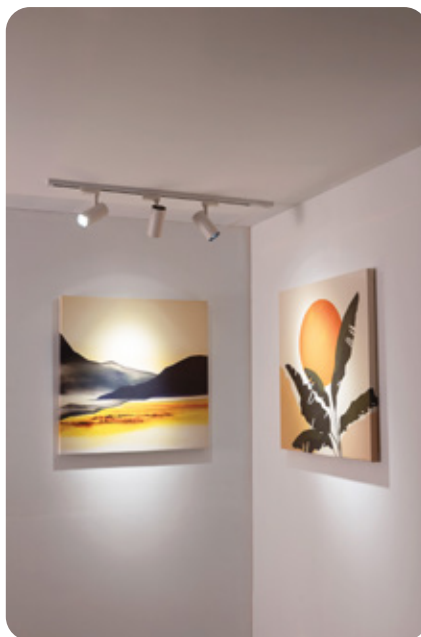


(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

## ĐÈN TRACK LIGHT T2 - EIRA SERIES

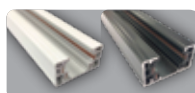


\* Chất liệu thân đèn: Thân đèn nhôm,罩 đèn nhựa trong  
 \* Thiết kế thân đèn thon gọn, sang trọng  
 \* Dùng kèm với phụ kiện thanh ray T2 bên dưới



| Mã sản phẩm |           | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------|-----------------------------------|------------------------|------------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| Đen         | Trắng     |                                   |                        |                  |                                |                         |             |
| N TRE105B   | N TRE105W | 10W/220V                          | 850                    | Trắng 5000K      | Φ60/ H120                      | 20                      | 350.000     |
| N TRE104B   | N TRE104W |                                   | 850                    | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| N TRE103B   | N TRE103W |                                   | 810                    | Vàng 3000K       |                                |                         |             |
| N TRE205B   | N TRE205W | 20W/220V                          | 1700                   | Trắng 5000K      | Φ66/ H130                      | 12                      | 460.000     |
| N TRE204B   | N TRE204W |                                   | 1700                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| N TRE203B   | N TRE203W |                                   | 1600                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |
| N TRE305B   | N TRE305W | 30W/220V                          | 2550                   | Trắng 5000K      | Φ78/ H160                      | 12                      | 590.000     |
| N TRE304B   | N TRE304W |                                   | 2550                   | Trung tính 4000K |                                |                         |             |
| N TRE303B   | N TRE303W |                                   | 2400                   | Vàng 3000K       |                                |                         |             |

## Phụ kiện dùng cho Đèn Track Light T2 - EIRA series



**N TRE-HR1W** - Thanh ray T2 1m màu trắng  
**N TRE-HR1B** - Thanh ray T2 1m màu đen  
 Bao gồm đầu nối dây nguồn - Kích thước: 34.2x19.5mm  
 Điện áp đầu vào 220V/50Hz IP20  
 Đóng gói: 20 cái/thùng

160.000



**N TRE-CW** - Đầu nối dây nguồn cho thanh ray T2 màu trắng  
**N TRE-CB** - Đầu nối dây nguồn cho thanh ray T2 màu đen

Đóng gói: 50 cái/thùng

60.000

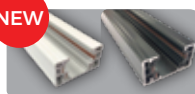


**N TRE-MCW** - Khớp nối giữa cho thanh ray T2 màu trắng  
**N TRE-MCB** - Khớp nối giữa cho thanh ray T2 màu đen

Đóng gói: 50 cái/thùng

22.000

NEW



**N TRE-HR15W** - Thanh ray T2 1.5m màu trắng  
**N TRE-HR15B** - Thanh ray T2 1.5m màu đen  
 Bao gồm đầu nối dây nguồn - Kích thước: 34.2x19.5mm  
 Điện áp đầu vào 220V/50Hz IP20  
 Đóng gói: 20 cái/thùng

270.000

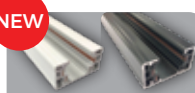


**N TRE-LCW** - Khớp nối chữ L cho thanh ray T2 màu trắng  
**N TRE-LCB** - Khớp nối chữ L cho thanh ray T2 màu đen

Đóng gói: 50 cái/thùng

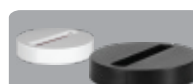
36.000

NEW



**N TRE-HR20W** - Thanh ray T2 2m màu trắng  
**N TRE-HR20B** - Thanh ray T2 2m màu đen  
 Bao gồm đầu nối dây nguồn - Kích thước: 34.2x19.5mm  
 Điện áp đầu vào 220V/50Hz IP20  
 Đóng gói: 20 cái/thùng

360.000



**N TRE-CB8W** - Đế ngồi gắn đèn track light T2 màu trắng  
**N TRE-CB8B** - Đế ngồi gắn đèn track light T2 màu đen  
 Điện áp đầu vào 220V/50Hz IP20  
 Đóng gói: 50 cái/thùng

70.000

\*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
 \*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub



ĐÈN THANH RAY NAM CHÂM

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



Chất liệu: Thân đèn nhôm màu đen, chóa đèn nhựa

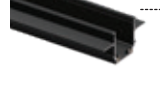
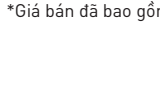
|  | Mã sản phẩm | Tên sản phẩm                 | Công suất/<br>Điện thế sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng     | Góc chiếu | Kích thước sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|--|-------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------|------------------|-----------|-----------------------------|-------------------------|-------------|
|  | NMGF063B    | Đèn pha nam châm             | 6W/ DC48V                      | 360                    | Vàng 3000K       | 110°      | 26x26x120                   | 40                      | 210.000     |
|  | NMGF064B    |                              |                                |                        | Trung tính 4000K |           |                             |                         |             |
|  | NMGF123B    |                              | 12W/ DC48V                     | 720                    | Vàng 3000K       | 110°      | 26x26x235                   | 40                      | 330.000     |
|  | NMGF124B    |                              |                                |                        | Trung tính 4000K |           |                             |                         |             |
|  | NMGG063B    | Đèn chiếu điểm nam châm      | 6W/ DC48V                      | 360                    | Vàng 3000K       | 24°       | 26x26x120                   | 40                      | 260.000     |
|  | NMGG064B    |                              |                                |                        | Trung tính 4000K |           |                             |                         |             |
|  | NMGG123B    |                              | 12W/ DC48V                     | 720                    | Vàng 3000K       | 24°       | 26x26x235                   | 40                      | 430.000     |
|  | NMGG124B    |                              |                                |                        | Trung tính 4000K |           |                             |                         |             |
|  | NMNG063B    | Đèn chiếu điểm lưới nam châm | 6W/ DC48V                      | 360                    | Vàng 3000K       | 24°       | 26x26x120                   | 40                      | 270.000     |
|  | NMNG064B    |                              |                                |                        | Trung tính 4000K |           |                             |                         |             |
|  | NMNG123B    |                              | 12W/ DC48V                     | 720                    | Vàng 3000K       | 24°       | 26x26x235                   | 40                      | 450.000     |
|  | NMNG124B    |                              |                                |                        | Trung tính 4000K |           |                             |                         |             |
|  | NMGFF063B   | Đèn pha gấp nam châm         | 6W/ DC48V                      | 360                    | Vàng 3000K       | 110°      | 26x90x120                   | 40                      | 330.000     |
|  | NMGFF064B   |                              |                                |                        | Trung tính 4000K |           |                             |                         |             |
|  | NMGFF123B   |                              | 12W/ DC48V                     | 720                    | Vàng 3000K       | 110°      | 26x90x235                   | 40                      | 510.000     |
|  | NMGFF124B   |                              |                                |                        | Trung tính 4000K |           |                             |                         |             |
|  | NMGFG063B   | Đèn chiếu điểm gấp nam châm  | 6W/ DC48V                      | 360                    | Vàng 3000K       | 24°       | 26x90x120                   | 40                      | 390.000     |
|  | NMGFG064B   |                              |                                |                        | Trung tính 4000K |           |                             |                         |             |
|  | NMGFG123B   |                              | 12W/ DC48V                     | 720                    | Vàng 3000K       | 24°       | 26x90x235                   | 40                      | 590.000     |
|  | NMGFG124B   |                              |                                |                        | Trung tính 4000K |           |                             |                         |             |
|  | NMGT103B    | Đèn tracklight nam châm      | 10W/ DC48V                     | 600                    | Vàng 3000K       | 24°       | 45x100                      | 40                      | 450.000     |
|  | NMGT104B    |                              |                                |                        | Trung tính 4000K |           |                             |                         |             |
|  | NMGH083B    | Đèn thả trần nam châm        | 8W/ DC48V                      | 600                    | Vàng 3000K       | 60°       | 30x300<br>Dây dài 1m        | 40                      | 590.000     |
|  | NMGH084B    |                              |                                |                        | Trung tính 4000K |           |                             |                         |             |



[\*] Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

PHỤ KIỆN ĐÈN THANH RAY NAM CHÂM



|                                                                                     | Mã sản phẩm | Tên sản phẩm                                           | Kích thước sản phẩm (mm)  | Đóng gói                | Giá bán/cái |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------|-------------|
|  | NMG-PC150   | Bộ nguồn 150W - Đầu vào AC110-220V Đầu ra DC 48V       | 277x26.5x28               | 1 cái/hộp, 50 cái/thùng | 620.000     |
|  | NMG-SR10    | Thanh ray nam châm lắp nổi siêu mỏng                   | 26x6x1000                 | 25 cái/thùng            | 190.000     |
|  | NMG-SR15    |                                                        | 26x6x1500                 |                         | 280.000     |
|  | NMG-SR20    |                                                        | 26x6x2000                 |                         | 380.000     |
|  | NMG-SRI     | Khớp nối thẳng thanh ray lắp nổi                       | 30x26x6.1                 | 1 cái/hộp, 50 cái/thùng | 50.000      |
|  | NMG-SRL     | Khớp nối góc thanh ray lắp nổi                         | 55x55x6.1                 | 1 cái/hộp, 50 cái/thùng | 80.000      |
|  | NMG-SRLW    | Khớp nối góc trần và tường thanh ray lắp nổi           | 35x35x6.1                 | 1 cái/hộp, 50 cái/thùng | 100.000     |
|  | NMG-RR10    | Thanh ray nam châm lắp âm<br>Khoét trần W35.4/H21, 1mm | 66.2x33.6x1000            | 5 cái/thùng             | 360.000     |
|  | NMG-RR15    |                                                        | 66.2x33.6x1500            |                         | 540.000     |
|  | NMG-RR20    |                                                        | 66.2x33.6x2000            |                         | 720.000     |
|  | NMG-RRL     | Khớp nối góc thanh ray lắp âm NMGxxxx                  | 80x66.8x33.6              | 1 cái/hộp, 50 cái/thùng | 170.000     |
|  | NMG-RRLW    | Khớp nối góc trần và tường thanh ray lắp âm NMGxxxx    | 80x66.8x33.6              |                         | 170.000     |
|  | NMG1-RR10   | Thanh ray nam châm lắp âm<br>Khoét trần W35.4/H22mm    | 63x33.2x1000              | 5 cái/thùng             | 360.000     |
|  | NMG1-RR15   |                                                        | 63x33.2x1500              |                         | 540.000     |
|  | NMG1-RR20   |                                                        | 63x33.2x2000              |                         | 720.000     |
|  | NMG1-RRL    | Khớp nối góc thanh ray lắp âm NMG1xxxx                 | 80x63x33.2                | 1 cái/hộp, 50 cái/thùng | 170.000     |
|  | NMG1-RRLW   | Khớp nối góc trần và tường thanh ray lắp âm NMG1xxxx   | 80x63x33.2                |                         | 170.000     |
|  | NMG-RRC     | Nắp chụp nhựa thanh ray nam châm âm                    | 29.4x6.6x1000<br>Dày: 1mm | 15 cái/thùng            | 20.000      |
|  | NMG-RII     | Khớp nối trong thanh ray nam châm lắp âm               | 26x15x190                 | 1 cái/hộp, 50 cái/thùng | 100.000     |

\*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub



ĐÈN THẢ TRẦN - LINEAR

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



- \* Chất liệu: Thân nhôm, chóa đèn nhựa
- \* Sử dụng LED Osram
- \* Chiều dài dây 1.2m
- \* Kèm bộ phụ kiện lắp thả trần



CRI Ra80

CRI Ra90

| Mã sản phẩm |          | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Góc<br>chiếu | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước<br>sản phẩm<br>(LxWxHmm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|----------|-----------------------------------|--------------|------------------------|------------------|-------------------------------------|-------------------------|-------------|
| Trắng       | Đen      |                                   |              |                        |                  |                                     |                         |             |
| NLNF405W    | NLNF405B | 40W/ 220V                         | 120°         | 3600                   | Trắng 5700K      | 1068x33x60                          | 10                      | 1.150.000   |
| NLNF404W    | NLNF404B |                                   |              |                        | Trung tính 4000K |                                     |                         |             |
| NLNF403W    | NLNF403B |                                   |              |                        | Vàng 3000K       |                                     |                         |             |
| NLNG365W    | NLNG365B | 36W/ 220V                         | 24°          | 2160                   | Trắng 5700K      | 1068x33x60                          | 10                      | 1.480.000   |
| NLNG364W    | NLNG364B |                                   |              |                        | Trung tính 4000K |                                     |                         |             |
| NLNG363W    | NLNG363B |                                   |              |                        | Vàng 3000K       |                                     |                         |             |

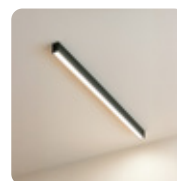
Phụ kiện dùng cho  
Đèn thả trần - Linear



**NEW NLN-S**  
Phụ kiện lắp nối đèn thả trần  
Kích thước 90x34mm  
Chiều dài dây 207mm

\* Dự kiến có hàng T09/2025

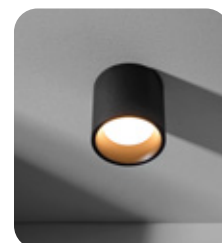
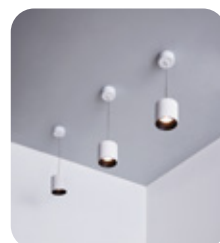
47.000



ĐÈN DOWNLIGHT TRỤ



- \* Chất liệu: Thân đèn nhôm, chóa đèn nhựa
- \* Sử dụng LED Bridgelux



| Mã sản phẩm |           | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Loại<br>LED | Màu ánh sáng     | Góc<br>chiếu | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------|-----------------------------------|------------------------|-------------|------------------|--------------|--------------------------------|-------------------------|-------------|
| Trắng       | Đen       |                                   |                        |             |                  |              |                                |                         |             |
| NSDLC105W   | NSDLC105B | 10W/220V                          | 800                    | COB         | Trắng 5000K      | 36°          | Φ71/H75                        | 30                      | 420.000     |
| NSDLC104W   | NSDLC104B |                                   | 800                    |             | Trung tính 4000K |              |                                |                         |             |
| NSDLC103W   | NSDLC103B |                                   | 800                    |             | Vàng 3000K       |              |                                |                         |             |
| NSDLC155W   | NSDLC155B | 15W/220V                          | 1200                   | COB         | Trắng 5000K      | 36°          | Φ91/H90                        | 30                      | 500.000     |
| NSDLC154W   | NSDLC154B |                                   | 1200                   |             | Trung tính 4000K |              |                                |                         |             |
| NSDLC153W   | NSDLC153B |                                   | 1200                   |             | Vàng 3000K       |              |                                |                         |             |
| NSDL105W    | NSDL105B  | 10W/220V                          | 800                    | SMD         | Trắng 5000K      | 110°         | Φ71/H75                        | 30                      | 410.000     |
| NSDL104W    | NSDL104B  |                                   | 800                    |             | Trung tính 4000K |              |                                |                         |             |
| NSDL103W    | NSDL103B  |                                   | 800                    |             | Vàng 3000K       |              |                                |                         |             |
| NSDL155W    | NSDL155B  | 15W/220V                          | 1200                   | SMD         | Trắng 5000K      | 110°         | Φ91/H90                        | 30                      | 480.000     |
| NSDL154W    | NSDL154B  |                                   | 1200                   |             | Trung tính 4000K |              |                                |                         |             |
| NSDL153W    | NSDL153B  |                                   | 1200                   |             | Vàng 3000K       |              |                                |                         |             |

Phụ kiện  
dùng cho  
đèn LED  
Downlight Trụ



**NSDL-CB**  
Để gắn thả trần đèn downlight trụ đen  
Chất liệu hợp kim, chiều dài dây 1.5m, AC220-240V

140.000



**NSDL-CW**  
Để gắn thả trần đèn downlight trụ trắng  
Chất liệu hợp kim, chiều dài dây 1.5m, AC220-240V

140.000



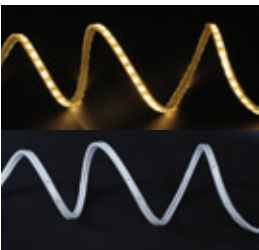
**Cảnh báo:** - Không bật dài LED sáng quá 5 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây.  
- Một bộ nguồn dùng tối đa được với 1 cuộn dài 50m, do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đối nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được.

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

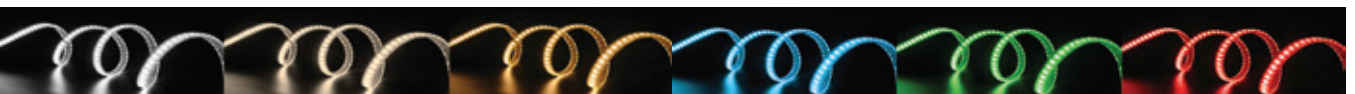
## ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 60 CHIP LED



\* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt sau phủ trắng, ánh sáng đẹp, tuổi thọ cao  
\* Kèm 1 bộ phụ kiện



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lm/m) | Màu ánh sáng     | Số<br>lượng<br>LED/m | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Trọng<br>lượng<br>(kg) | Đoạn cắt<br>(m) | Đóng gói<br>(cuộn/thùng) | Giá bán/cuộn |
|-------------|-----------------------------------|-----------------------|------------------|----------------------|--------------------------------|------------------------|-----------------|--------------------------|--------------|
| NST0604     | 4.5W/m<br>230V                    | 180                   | Trung tính 4000K | 60                   | 10 x 7.3<br>Cuộn 50m           | 5                      | 1               | 1                        | 2.574.000    |
| NST0606     |                                   |                       | Trắng 6500K      |                      |                                |                        |                 |                          |              |
| NST060R     |                                   |                       | Đỏ               |                      |                                |                        |                 |                          |              |
| NST060G     |                                   |                       | Xanh lục         |                      |                                |                        |                 |                          | 2.827.000    |
| NST060B     |                                   |                       | Xanh dương       |                      |                                |                        |                 |                          |              |



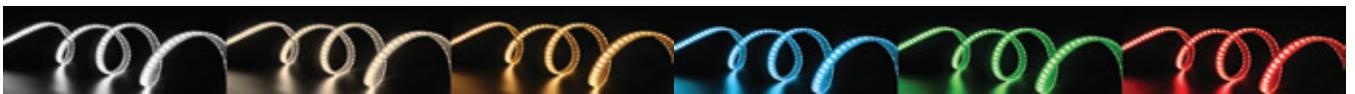
## ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 72 CHIP LED



\* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt sau phủ trắng, ánh sáng đẹp, tuổi thọ cao  
\* Kèm 1 bộ phụ kiện



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lm/m) | Màu ánh sáng     | Số<br>lượng<br>LED/m | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Trọng<br>lượng<br>(kg) | Đoạn cắt<br>(m) | Đóng gói<br>(cuộn/thùng) | Giá bán/cuộn |
|-------------|-----------------------------------|-----------------------|------------------|----------------------|--------------------------------|------------------------|-----------------|--------------------------|--------------|
| NST0722     | 4.5W/m<br>230V                    | 300                   | Vàng 2700K       | 72                   | 10 x 7<br>Cuộn 50m             | 5.5                    | 1               | 1                        | 2.585.000    |
| NST0724     |                                   |                       | Trung tính 4000K |                      |                                |                        |                 |                          |              |
| NST0726     |                                   |                       | Trắng 6500K      |                      |                                |                        |                 |                          |              |
| NST072R     |                                   |                       | Đỏ               |                      |                                |                        |                 |                          |              |
| NST072G     |                                   |                       | Xanh lục         |                      |                                |                        |                 |                          | 2.791.000    |
| NST072B     |                                   |                       | Xanh dương       |                      |                                |                        |                 |                          |              |



## ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 72 CHIP LED - ERIS SERIES



\* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt sau trong  
\* Kèm 1 bộ phụ kiện



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lm/m) | Màu ánh sáng     | Số<br>lượng<br>LED/m | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Trọng<br>lượng<br>(kg) | Đoạn cắt<br>(m) | Đóng gói<br>(cuộn/thùng) | Giá bán/cuộn |
|-------------|-----------------------------------|-----------------------|------------------|----------------------|--------------------------------|------------------------|-----------------|--------------------------|--------------|
| NSTE0722    | 4.5W/m<br>230V                    | 300                   | Vàng 2700K       | 72                   | 10 x 7<br>Cuộn 50m             | 5.3                    | 1               | 1                        | 1.560.000    |
| NSTE0724    |                                   |                       | Trung tính 4000K |                      |                                |                        |                 |                          |              |
| NSTE0726    |                                   |                       | Trắng 6500K      |                      |                                |                        |                 |                          |              |

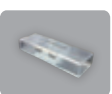


## Phụ kiện dùng cho LED dây ngoài trời 60 và 72 chip LED



**NST60-PC**  
Driver nguồn - IP65(Max 50m/nguồn)  
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bít)  
Đóng gói: 1 bộ/bịch,  
50 bộ/thùng

81.000



**NST60-MC**  
Khớp nối giữa - IP65  
Đóng gói: 10 cái/bịch

14.500



**NST60-P**  
Chân cắm nối nguồn  
Đóng gói: 20 cái/bịch

2.300



**NST60-C**  
Nẹp gắn tường  
(Kèm 2 ốc vít)  
Đóng gói: 20 cái/bịch

2.300



**NST60-E**  
Nút bít - IP65  
Đóng gói: 50 cái/bịch

2.300

\*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub



**Cảnh báo:** - Không bật dài LED sáng quá 5 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây.  
- Một bộ nguồn dùng tối đa được với 1 cuộn dài 50m, do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đối nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được.

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



# LED DÂY

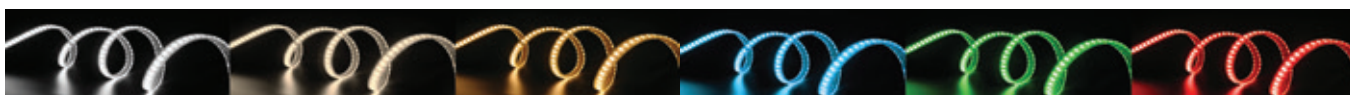
## ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 120 CHIP LED - 1 dây LED



\* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt sau phủ trắng, ánh sáng đẹp, 1 dây LED, tuổi thọ cao  
\* Kèm 1 bộ phụ kiện



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lm/m) | Màu ánh sáng     | Số<br>lượng<br>LED/m | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Trọng<br>lượng<br>(kg) | Đoạn cắt<br>(m) | Đóng gói<br>(cuộn/thùng) | Giá bán/cuộn |
|-------------|-----------------------------------|-----------------------|------------------|----------------------|--------------------------------|------------------------|-----------------|--------------------------|--------------|
| NST12072    | 7W/m<br>230V                      | 600                   | Vàng 2700K       | 120                  | 14 x 7<br>Cuộn 50m             | 7.5                    | 1               | 1                        | 3.873.000    |
| NST12074    |                                   |                       | Trung tính 4000K |                      |                                |                        |                 |                          |              |
| NST12076    |                                   |                       | Trắng 6500K      |                      |                                |                        |                 |                          |              |
| NST1207R    |                                   |                       | Đỏ               |                      |                                |                        |                 |                          |              |
| NST1207G    |                                   |                       | Xanh lục         |                      |                                |                        |                 |                          |              |
| NST1207B    |                                   |                       | Xanh dương       |                      |                                |                        |                 |                          | 4.161.000    |



## ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 120 CHIP LED - ERIS SERIES



\* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt sau trong  
\* 2 dây LED  
\* Kèm 1 bộ phụ kiện



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lm/m) | Màu ánh sáng     | Số<br>lượng<br>LED/m | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Trọng<br>lượng<br>(kg) | Đoạn cắt<br>(m) | Đóng gói<br>(cuộn/thùng) | Giá bán/cuộn |
|-------------|-----------------------------------|-----------------------|------------------|----------------------|--------------------------------|------------------------|-----------------|--------------------------|--------------|
| NSTE1202    | 7W/m<br>230V                      | 600                   | Vàng 2700K       | 120                  | 14 x 7<br>Cuộn 50m             | 7.5                    | 1               | 1                        | 2.320.000    |
| NSTE1204    |                                   |                       | Trung tính 4000K |                      |                                |                        |                 |                          |              |
| NSTE1206    |                                   |                       | Trắng 6500K      |                      |                                |                        |                 |                          |              |



### Phụ kiện dùng cho LED dây ngoài trời 120 chip LED - 1 dây LED và ERIS SERIES



**NST1207-PC**  
Driver nguồn - IP65(Max 50m/nguồn)  
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bít)  
Đóng gói: 1 bộ/bịch,  
50 bộ/thùng

98.000



**NST1207-MC**  
Khớp nối giữa - IP65  
Đóng gói: 10 cái/bịch

14.500



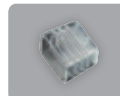
**NST1207-P**  
Chân cắm nối nguồn  
Đóng gói: 20 cái/bịch

2.300



**NST1207-C**  
Nẹp gắn tường  
(Kèm 2 ốc vít)  
Đóng gói: 20 bộ/bịch

2.300



**NST1207-E**  
Nút bít - IP65  
Đóng gói: 50 cái/bịch

2.300



**Cảnh báo:** - Không bật dải LED sáng quá 5 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây.  
- Một bộ nguồn dùng tối đa được với 1 cuộn dài 50m, do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đối nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được.

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

## ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 120 CHIP LED - 2 DÂY LED

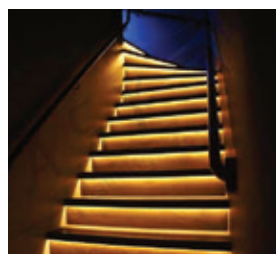


\* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt sau phủ trắng, ánh sáng đẹp, 2 dây LED, tuổi thọ cao  
\* Kèm 1 bộ phụ kiện

| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lm/m) | Màu ánh sáng     | Số<br>lượng<br>LED/m | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Trọng<br>lượng<br>(kg) | Đoạn cắt<br>(m) | Đóng gói<br>(cuộn/thùng) | Giá bán/cuộn |
|-------------|-----------------------------------|-----------------------|------------------|----------------------|--------------------------------|------------------------|-----------------|--------------------------|--------------|
| NST1202     | 8W/ 230V                          | 600                   | Vàng 2700K       | 120                  | 18 x 8<br>Cuộn 50m             | 9                      | 1               | 1                        | 4.260.000    |
| NST1204     |                                   |                       | Trung tính 4000K |                      |                                |                        |                 |                          |              |
| NST1206     |                                   |                       | Trắng 6500K      |                      |                                |                        |                 |                          |              |
| NST120R     | 9W/ 230V                          | 600                   | Đỏ               | 120                  | 18 x 8<br>Cuộn 50m             | 9                      | 1               | 1                        | 4.577.000    |
| NST120G     |                                   |                       | Xanh lục         |                      |                                |                        |                 |                          |              |
| NST120B     |                                   |                       | Xanh dương       |                      |                                |                        |                 |                          |              |



### Phụ kiện dùng cho LED dây ngoài trời 120 chip LED - 2 dây LED



#### NST-PC

Driver nguồn - IP65(Max 50m/nguồn)  
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bít)  
Đóng gói: 1 bộ/bịch,  
50 bộ/thùng

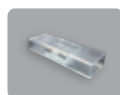
98.000



#### NST-MC

Khớp nối giữa - IP65  
Đóng gói: 10 cái/bịch

14.500



#### NST-P

Chân cắm nối nguồn  
Đóng gói: 20 cái/bịch

2.300



#### NST-C

Nẹp gắn tường  
(Kèm 2 ốc vít)  
Đóng gói: 20 bộ/bịch

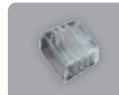
2.300



#### NST-E

Nút bít - IP65  
Đóng gói: 50 cái/bịch

2.300



## ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI - NEON

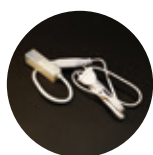


\* Chất liệu: PVC Anti-UV

\* Kèm 1 bộ phụ kiện

| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lm/m) | Màu ánh sáng     | Số<br>lượng<br>LED/m | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Trọng<br>lượng<br>(kg) | Đoạn cắt<br>(m) | Đóng gói<br>(cuộn/thùng) | Giá bán/cuộn |
|-------------|-----------------------------------|-----------------------|------------------|----------------------|--------------------------------|------------------------|-----------------|--------------------------|--------------|
| NSTN1202    | 8W/230V                           | 300                   | Vàng 2700K       | 120                  | 15 x 14<br>Cuộn 50m            | 13.5                   | 1               | 1                        | 7.571.000    |
| NSTN1204    |                                   |                       | Trung tính 4000K |                      |                                |                        |                 |                          |              |
| NSTN1206    |                                   |                       | Trắng 6500K      |                      |                                |                        |                 |                          |              |

### Phụ kiện dùng cho LED dây ngoài trời 120 chip LED NEON



#### NSTN120-PC

Driver nguồn - IP65 (Max 50m/nguồn)  
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bít)  
Đóng gói: 1 bộ/bịch, 50 bộ/thùng

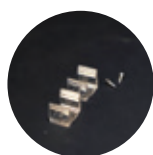
124.000



#### NSTN120-MC

Khớp nối giữa - IP65  
Đóng gói: 10 cái/bịch

28.000



#### NSTN120-C

Nẹp gắn tường nhựa  
(Kèm 2 ốc vít)  
Đóng gói: 20 bộ/bịch

7.300



#### NSTN120-CA

Nẹp gắn tường nhôm  
(Kèm 2 ốc vít)  
Đóng gói: 20 bộ/bịch

14.500



#### NSTN120-E

Nút bít - IP65  
Đóng gói: 50 cái/bịch

4.200



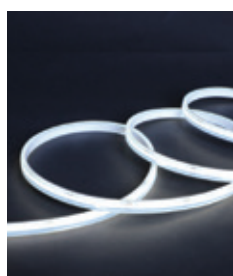
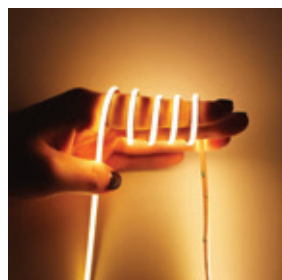
**Cảnh báo:** - Không bật đèn LED sáng quá 30 giây khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây  
- Khoảng cách từ nguồn đến điểm cuối của LED dây tối đa là 5m (không tính chiều dài dây điện), do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đối nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được với chiều dài dây lớn hơn 5m

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

## ĐÈN LED DÂY COB - 24V



\*Dùng với bộ nguồn DC24V IP20 (trang kế tiếp) hoặc nguồn DC24V IP65  
\* Mặt sau có lớp keo dán màu xanh  
\* Cuộn LED dây không kèm nguồn



| Mã sản phẩm | Loại                          | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang<br>thông<br>(lm/m) | Màu ánh sáng     | Số<br>lượng<br>LED/m | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Đoạn cắt<br>(mm) | Đóng gói<br>(cuộn/thùng) | Giá bán/cuộn |
|-------------|-------------------------------|-----------------------------------|--------------------------|------------------|----------------------|--------------------------------|------------------|--------------------------|--------------|
| NSTC3202-20 | IP20<br>Sử dụng<br>trong nhà  | 10W/M<br>DC24V                    | 850                      | Vàng 2700K       | 320                  | 8x2x5000<br>Cuộn 5m            | 50               | 40                       | 360.000      |
| NSTC3204-20 |                               |                                   |                          | Trung tính 4000K |                      |                                |                  |                          |              |
| NSTC3206-20 |                               |                                   |                          | Trắng 6500K      |                      |                                |                  |                          |              |
| NSTC3202-65 | IP65<br>Sử dụng<br>ngoài trời | 10W/M<br>DC24V                    | 850                      | Vàng 2700K       | 320                  | 10x4x5000<br>Cuộn 5m           | 50               | 40                       | 650.000      |
| NSTC3204-65 |                               |                                   |                          | Trung tính 4000K |                      |                                |                  |                          |              |
| NSTC3206-65 |                               |                                   |                          | Trắng 6500K      |                      |                                |                  |                          |              |

### Phụ kiện khớp nối dùng cho LED dây COB



#### NSTC320-MC20

Khớp nối giữa dùng cho loại 320 LED/M COB IP20

36.000



#### NSTC320-CW20

Khớp nối dây nguồn (15cm)  
Dùng cho loại 320 LED/M COB IP20

43.000



#### NSTC320-MC65

Khớp nối giữa dùng cho loại 320 LED/M COB IP65

36.000



#### NSTC320-CW65

Khớp nối dây nguồn (15cm)  
Dùng cho loại 320 LED/M COB IP65

58.000



#### NSTC320-E65

Nút bấm dùng cho loại 320LED/M COB IP65

2.300



#### NSTC320-C

Nẹp gắn tường dùng cho loại 320 LED/M COB IP20 & IP65

2.300

### Bộ nguồn DC24V IP65 cho LED dây ngoài trời

\*Bộ nguồn DC24V IP20 cho LED dây trong nhà trang kế tiếp

#### NST-PS60-2465

Công suất: 60W - IP65  
Kích thước: 207x35x23mm  
Điện thế: Input AC200-240V; Output: DC24V, 2.5A  
Đóng gói: 25 cái/ thùng

750.000

#### NST-PS100-2465

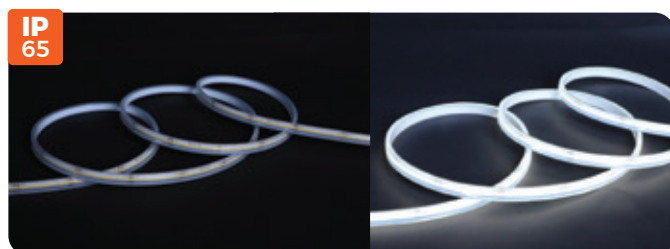
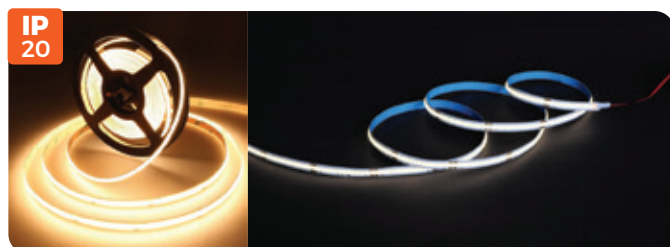
Công suất: 100W - IP65  
Kích thước: 186x62x34mm  
Điện thế: Input AC200-240V; Output: DC24V, 4A  
Đóng gói: 25 cái/ thùng

845.000

#### NST-PS200-2465

Công suất: 200W - IP65  
Kích thước: 223x63x34mm  
Điện thế: Input AC200-240V; Output: DC24V, 8.3A  
Đóng gói: 25 cái/ thùng

1.210.000



**Cảnh báo:** - Không bật đèn LED sáng quá 30 giây khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây  
 - Khoảng cách từ nguồn đến điểm cuối của LED dây tối đa là 5m (không tính chiều dài dây điện), do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đối nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được với chiều dài dây lớn hơn 5m

[\*] Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

## ĐÈN LED DÂY TRONG NHÀ 24V - IP20



\* Chất liệu: nhựa dẻo FPCB uốn cong dễ dàng

\* Thích hợp sử dụng trang trí nội thất với thiết kế phức tạp như hắt trần, trang trí tủ, hộp đèn, bảng hiệu...

\* LED dây không được phủ silicon chống nước, vì vậy cần sử dụng ở môi trường khô thoáng tránh ẩm ướt để đảm bảo tuổi thọ đèn



| Mã sản phẩm | Số LED/M | Công suất/Điện thế sử dụng | Quang thông (lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước sản phẩm (mm) | Đoạn cắt   | Đóng gói (cuộn/thùng) | Giá bán/cuộn |
|-------------|----------|----------------------------|---------------------|------------------|--------------------------|------------|-----------------------|--------------|
| NSTID0602   | 60 LED/M | 4.5W/M DC24V               | 400Lm/M             | Vàng 2700K       | 8 x 1.3 Cuộn 5M          | 6 chip LED | 40                    | 182.000      |
| NSTID0604   |          |                            |                     | Trung tính 4000K |                          |            |                       |              |
| NSTID0606   |          |                            |                     | Trắng 6000K      |                          |            |                       |              |



| Mã sản phẩm | Số LED/M  | Công suất/Điện thế sử dụng | Quang thông (lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước sản phẩm (mm) | Đoạn cắt   | Đóng gói (cuộn/thùng) | Giá bán/cuộn |
|-------------|-----------|----------------------------|---------------------|------------------|--------------------------|------------|-----------------------|--------------|
| NSTID1202   | 120 LED/M | 9W/M DC24V                 | 800Lm/M             | Vàng 2700K       | 8 x 1.3 Cuộn 5M          | 6 chip LED | 40                    | 252.000      |
| NSTID1204   |           |                            |                     | Trung tính 4000K |                          |            |                       |              |
| NSTID1206   |           |                            |                     | Trắng 6000K      |                          |            |                       |              |



| Mã sản phẩm | Số LED/M  | Công suất/Điện thế sử dụng | Quang thông (lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước sản phẩm (mm) | Đoạn cắt   | Đóng gói (cuộn/thùng) | Giá bán/cuộn |
|-------------|-----------|----------------------------|---------------------|------------------|--------------------------|------------|-----------------------|--------------|
| NSTID1682   | 168 LED/M | 12W/M DC24V                | 1200Lm/M            | Vàng 2700K       | 10 x 1.3 Cuộn 5M         | 7 chip LED | 40                    | 420.000      |
| NSTID1684   |           |                            |                     | Trung tính 4000K |                          |            |                       |              |
| NSTID1686   |           |                            |                     | Trắng 6000K      |                          |            |                       |              |

## Bộ nguồn DC24V IP20 dùng cho LED dây trong nhà

## Bộ nguồn trực tiếp



## NST-AD30

Công suất: 30W  
 Điện thế input: AC100 - 240V  
 Điện thế output: DC24V  
 Chiều dài dây: 1.1m, kèm 1 chui cái 15cm  
 Đóng gói 40 cái/ thùng

194.000



## NST-AD60

Công suất: 60W  
 Điện thế input: AC100 - 240V  
 Điện thế output: DC24V  
 Chiều dài dây: 1.1m, kèm 1 chui cái 15cm  
 Đóng gói 20 cái/ thùng

293.000

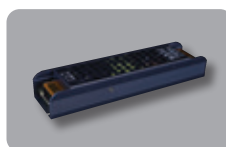
## Bộ nguồn tổ ong



## NST-PS60-24

Công suất: 60W  
 Kích thước: 172x34x23mm  
 Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V  
 Đóng gói 25 cái/ thùng

199.000



## NST-PS150-24

Công suất: 150W  
 Kích thước: 195x49x29mm  
 Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V  
 Giảm tiếng ồn  
 Đóng gói 25 cái/ thùng

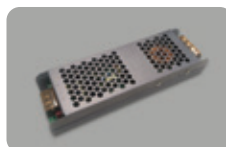
361.000



## NST-PS250-24

Công suất: 250W  
 Kích thước: 258x48x29mm  
 Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V  
 Đóng gói 25 cái/ thùng

504.000



## NST-PS360-24-2

Công suất: 360W  
 Kích thước: 245x63x31mm  
 Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V  
 Giảm tiếng ồn  
 Đóng gói 25 cái/ thùng

812.000

\*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
 \*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub



**Nẹp nhôm dùng cho LED dây trong nhà**

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



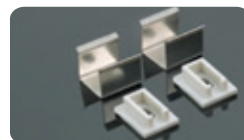
**NST-AB1714**

Kích thước: 2000x17x14.3mm  
Dùng với LED dây có chiều rộng 12mm  
Kèm 4 nút vít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít  
Đóng gói: 50 cái/thùng



Lắp nổi

205.000



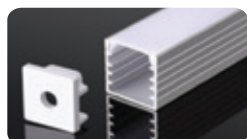
**NST-AB1013**

Kích thước: 2000x10x13mm  
Dùng với LED dây có chiều rộng 8mm  
Kèm 4 nút vít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít  
Đóng gói: 70 cái/thùng



Lắp nổi

192.000



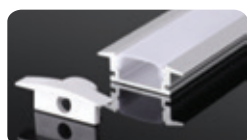
**NST-AB1414**

Kích thước: 2000x14.2x14.2mm  
Dùng với LED dây có chiều rộng 12.5mm  
Kèm 4 nút vít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít  
Đóng gói: 50 cái/thùng



Lắp nổi

192.000



**NST-AB2507**

Kích thước: 2000x25x7mm  
Kích thước lắp âm: 20x8mm  
Dùng với LED dây có chiều rộng 12mm  
Kèm 4 nút vít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít  
Đóng gói: 50 cái/thùng



Lắp âm

213.000



**NST-AB2414**

Kích thước: 2000x24.5x14.2mm  
Kích thước lắp âm: 20x15mm  
Dùng với LED dây có chiều rộng 12mm  
Kèm 4 nút vít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít  
Đóng gói: 25 cái/thùng



Lắp âm

215.000



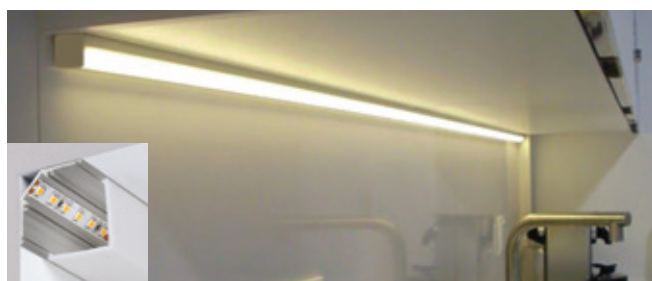
**NST-AB1515**

Kích thước: 2000x15.7x15.7mm  
Dùng với LED dây có chiều rộng 10mm  
Kèm 4 nút vít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít  
Đóng gói: 50 cái/thùng



Lắp góc

161.000



**Phụ kiện khớp nối dùng cho LED trong nhà**



**NSTID-CW08**

Khớp nối dây nguồn (15cm)  
dùng cho đèn LED dây dán 60LED/M  
và 120LED/M

6.300



**NSTID-CW101**

Khớp nối dây nguồn (15cm), dùng cho đèn  
LED dây dán 168LED/M

16.000



**NSTID-MC08**

Khớp nối giữa dùng cho đèn LED dây dán  
60LED/M và 120LED/M

2.800



**NSTID-MC101**

Khớp nối giữa dùng cho đèn  
LED dây dán 168LED/M

11.000



[\*] Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

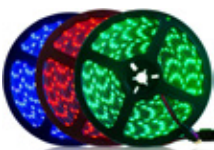
NEW

ĐÈN LED DÂY ĐỔI MÀU



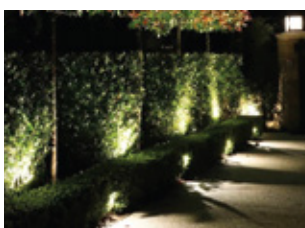
Điều khiển bằng remote, ứng dụng trên điện thoại qua app  
Mặt sau có lớp keo dán  
Kèm phụ kiện: Adapter đổi nguồn, remote, bộ điều khiển,  
phụ kiện lắp đặt (kẹp dán, vít)  
Ứng dụng đa dạng trang trí phòng ngủ, studio, gaming  
setup hoặc làm đèn nền TV...

IP  
20



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế sử dụng            | Màu<br>ánh sáng | Tính năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Số<br>LED/m | Kích thước<br>sản phẩm | Đóng gói<br>(cuộn/thùng) | Giá bán/cuộn |
|-------------|-------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------|--------------------------|--------------|
| NSTID0324C  | 07W;<br>Output DC24V<br>Input AC100V-240V | Đổi màu<br>RGB  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- RGBIC (RGB + IC Chip) cho phép hiển thị nhiều màu cùng lúc trên một dải LED</li> <li>- Tùy chỉnh từng phân đoạn đèn để phối màu cá nhân hóa không gian sống</li> <li>- Hiệu ứng ánh sáng động đa dạng: Chạy màu, sóng, cầu vồng, flash, lượn sóng, và nhiều kiểu khác tùy chỉnh theo phong cách của bạn</li> <li>- Chế độ cảm biến âm nhạc: Đèn nhấp nháy và đổi màu theo giai điệu nhạc</li> <li>- Tùy chỉnh lịch trình, hẹn giờ thông minh</li> <li>- Điều khiển bằng giọng nói (tương thích Google assistant, Amazon alexa)</li> </ul> | 30          | 10x3mm<br>Cuộn 3M      | 20                       | 550.000      |
| NSTID1524C  | 19W;<br>Output DC24V<br>Input AC100V-240V |                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiều hiệu ứng cài sẵn, dễ dàng điều chỉnh độ sáng</li> <li>- Đồng bộ âm nhạc qua app: Đèn nhấp nháy theo giai điệu nhạc</li> <li>- Hẹn giờ thông minh</li> <li>- Điều khiển bằng giọng nói (tương thích Google assistant, Amazon alexa)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 15          | 10x2mm<br>Cuộn 15M     | 20                       | 980.000      |

ĐÈN PHA - JANUS SERIES



\* Chất liệu thân đèn nhôm đúc nguyên khối, mặt kính cường lực IK06

\* Đèn có kích thước gọn nhẹ, độ sáng cao, phù hợp chiếu sáng bằng hiệu, các khu vực ngoài trời cho các tòa nhà, đường hầm, sân vận động, sân vườn..

\* PF>0.9 đối với đèn pha từ 50W trở lên

| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng | Kích thước<br>sản phẩm<br>Dài x Cao x Rộng<br>(mm) | Trọng<br>lượng<br>(kg) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|--------------------------------|------------------------|--------------|----------------------------------------------------|------------------------|-------------------------|-------------|
| NLFM0106    | 10W/220V                       | 700                    | Trắng 6500K  | 101 x 81 x 22                                      | 0.135                  | 20                      | 180.000     |
| NLFM0103    |                                | 700                    | Vàng 3000K   |                                                    |                        |                         |             |
| NLFM0206    | 20W/220V                       | 1,400                  | Trắng 6500K  | 125 x 101 x 24                                     | 0.2                    | 20                      | 265.000     |
| NLFM0203    |                                | 1,400                  | Vàng 3000K   |                                                    |                        |                         |             |
| NLFM0306    | 30W/220V                       | 2,100                  | Trắng 6500K  | 143 x 115 x 28                                     | 0.29                   | 20                      | 365.000     |
| NLFM0303    |                                | 2,100                  | Vàng 3000K   |                                                    |                        |                         |             |
| NLFM0506    | 50W/220V                       | 4,500                  | Trắng 6500K  | 163 x 133 x 29                                     | 0.43                   | 20                      | 585.000     |
| NLFM0503    |                                | 4,250                  | Vàng 3000K   |                                                    |                        |                         |             |
| NLFM1006    | 100W/220V                      | 9,000                  | Trắng 6500K  | 231 x 182 x 33                                     | 0.84                   | 10                      | 1.150.000   |
| NLFM1003    |                                | 8,500                  | Vàng 3000K   |                                                    |                        |                         |             |
| NLFM1506    | 150W/220V                      | 13,500                 | Trắng 6500K  | 270 x 221 x 36                                     | 1.26                   | 10                      | 1.490.000   |
| NLFM1503    |                                | 12,750                 | Vàng 3000K   |                                                    |                        |                         |             |
| NLFM2006    | 200W/220V                      | 18,000                 | Trắng 6500K  | 320 x 260 x 36                                     | 1.72                   | 10                      | 2.330.000   |
| NLFM2003    |                                | 17,000                 | Vàng 3000K   |                                                    |                        |                         |             |

\*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub



ĐÈN PHA - VENUS SERIES

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



\* Chất liệu thân đèn nhôm đúc nguyên khối, mặt kính cường lực IK06

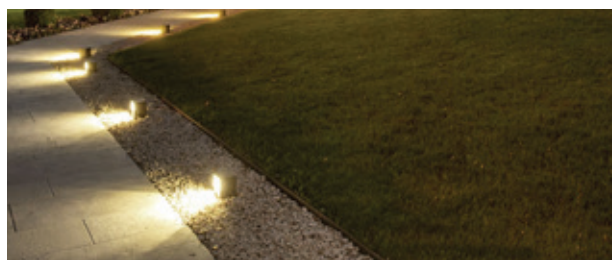
\* Đèn có kích thước gọn nhẹ, độ sáng cao phù hợp chiếu sáng bằng hiệu, các khu vực ngoài trời cho các tòa nhà, đường hầm, sân vận động, sân vườn ....

\* PF>0.9 đối với đèn pha từ 50W trở lên



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước<br>sản phẩm<br>Dài x Cao x Rộng<br>(mm) | Trọng<br>lượng<br>(kg) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|------------------|----------------------------------------------------|------------------------|-------------------------|-------------|
| NLFV0106    | 10W/220V                          | 1,000                  | Trắng 6500K      | 94 x 117 x 35                                      | 0.304                  | 30                      | 250.000     |
| NLFV0104    |                                   | 1,000                  | Trung tính 4000K |                                                    |                        |                         |             |
| NLFV0103    |                                   | 950                    | Vàng 3000K       |                                                    |                        |                         |             |
| NLFV0206    | 20W/220V                          | 2,000                  | Trắng 6500K      | 94 x 117 x 35                                      | 0.304                  | 30                      | 340.000     |
| NLFV0204    |                                   | 2,000                  | Trung tính 4000K |                                                    |                        |                         |             |
| NLFV0203    |                                   | 1,900                  | Vàng 3000K       |                                                    |                        |                         |             |
| NLFV0306    | 30W/220V                          | 3,000                  | Trắng 6500K      | 107 x 141 x 38                                     | 0.423                  | 30                      | 425.000     |
| NLFV0304    |                                   | 3,000                  | Trung tính 4000K |                                                    |                        |                         |             |
| NLFV0303    |                                   | 2,850                  | Vàng 3000K       |                                                    |                        |                         |             |
| NLFV0506    | 50W/220V                          | 5,000                  | Trắng 6500K      | 135 x 175 x 42                                     | 0.664                  | 20                      | 655.000     |
| NLFV0504    |                                   | 5,000                  | Trung tính 4000K |                                                    |                        |                         |             |
| NLFV0503    |                                   | 4,750                  | Vàng 3000K       |                                                    |                        |                         |             |
| NLFV1006    | 100W/220V                         | 12,000                 | Trắng 6500K      | 195 x 255 x 40                                     | 1.467                  | 8                       | 1.600.000   |
| NLFV1003    |                                   | 11,400                 | Vàng 3000K       |                                                    |                        |                         |             |
| NLFV1506    | 150W/220V                         | 18,000                 | Trắng 6500K      | 240 x 300 x 42                                     | 2.259                  | 6                       | 2.050.000   |
| NLFV1503    |                                   | 17,100                 | Vàng 3000K       |                                                    |                        |                         |             |
| NLFV2006    | 200W/220V                         | 24,000                 | Trắng 6500K      | 285 x 345 x 46                                     | 3.241                  | 4                       | 3.250.000   |
| NLFV2003    |                                   | 22,800                 | Vàng 3000K       |                                                    |                        |                         |             |

ĐÈN PHA - HIGH SERIES



\* Chất liệu thân đèn nhôm đúc nguyên khối, mặt kính cường lực IK08

\* Thiết kế mặt kính thủy tinh truyền thống, kích thước lớn tản nhiệt tốt,

tuổi thọ cao, phù hợp chiếu sáng bằng hiệu, các khu vực ngoài trời

không gian rộng cho các tòa nhà, đường hầm, sân vận động, sân vườn..

\* PF>0.9 đối với đèn pha từ 50W trở lên



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng | Kích thước<br>sản phẩm<br>Dài x Cao x Rộng<br>(mm) | Trọng<br>lượng<br>(kg) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|--------------|----------------------------------------------------|------------------------|-------------------------|-------------|
| NLFH0106    | 10W/220V                          | 1,000                  | Trắng 6500K  | 130 x 110 x 41                                     | 0.38                   | 20                      | 300.000     |
| NLFH0103    |                                   | 950                    | Vàng 3000K   |                                                    |                        |                         |             |
| NLFH0206    | 20W/220V                          | 2,000                  | Trắng 6500K  | 181 x 158 x 50                                     | 0.67                   | 20                      | 415.000     |
| NLFH0203    |                                   | 1,900                  | Vàng 3000K   |                                                    |                        |                         |             |
| NLFH0306    | 30W/220V                          | 3,000                  | Trắng 6500K  | 196 x 172 x 52                                     | 0.79                   | 20                      | 495.000     |
| NLFH0303    |                                   | 2,850                  | Vàng 3000K   |                                                    |                        |                         |             |
| NLFH0506    | 50W/220V                          | 5,000                  | Trắng 6500K  | 240 x 210 x 60                                     | 1.13                   | 10                      | 720.000     |
| NLFH0503    |                                   | 4,750                  | Vàng 3000K   |                                                    |                        |                         |             |
| NLFH0706    | 70W/220V                          | 7,000                  | Trắng 6500K  | 255 x 285 x 60                                     | 1.74                   | 5                       | 1.245.000   |
| NLFH1006    | 100W/220V                         | 11,000                 | Trắng 6500K  | 310 x 345 x 80                                     | 3.5                    | 1                       | 2.100.000   |
| NLFH1506    | 150W/220V                         | 16,500                 | Trắng 6500K  | 350 x 380 x 97                                     | 5                      | 1                       | 2.730.000   |
| NLFH2006    | 200W/220V                         | 22,000                 | Trắng 6500K  | 430 x 480 x 105                                    | 9.8                    | 1                       | 4.350.000   |



ProClub

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

\*Giá bán đã bao gồm VAT

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN PHA



\* Chất liệu: thân đèn kim loại,罩 đèn nhựa PC chịu lực cao  
\* Được lựa chọn là thiết bị chiếu sáng hắt tường ngoài trời cho các tòa nhà, biệt thự, đường hầm, sân vận động, chiếu sáng sân vườn, đèn pha biển quảng cáo... tạo màu ánh sáng tốt và tạo điểm nhấn cho các công trình công cộng.  
\* PF>0.9 đối với đèn pha từ 50W trở lên



| Mã sản phẩm | Công suất/<br>Điện thế<br>sử dụng | Quang thông<br>(lumen) | Màu ánh sáng     | Kích thước<br>sản phẩm<br>Dài x Cao x Rộng<br>(mm) | Trọng<br>lượng | Tuổi thọ<br>(giờ) | Đóng gói<br>(cái/thùng) | Giá bán/cái |
|-------------|-----------------------------------|------------------------|------------------|----------------------------------------------------|----------------|-------------------|-------------------------|-------------|
| NLF1106     | 10W/220V                          | 800                    | Trắng 6000K      | 117 x 27 x 138                                     | 0.29 kg        | 25.000            | 12                      | 209.000     |
| NLF1104     |                                   | 800                    | Trung tính 4000K |                                                    |                |                   |                         |             |
| NLF1206     | 20W/220V                          | 1600                   | Trắng 6000K      | 134 x 27 x 159                                     | 0.37kg         | 25.000            | 12                      | 285.000     |
| NLF1204     |                                   | 1600                   | Trung tính 4000K |                                                    |                |                   |                         |             |
| NLF1203     |                                   | 1520                   | Vàng 3000K       |                                                    |                |                   |                         |             |
| NLF1306     | 30W/220V                          | 2400                   | Trắng 6000K      | 167 x 36 x 220                                     | 0.65 kg        | 25.000            | 12                      | 418.000     |
| NLF1304     |                                   | 2400                   | Trung tính 4000K |                                                    |                |                   |                         |             |
| NLF1303     |                                   | 2280                   | Vàng 3000K       |                                                    |                |                   |                         |             |
| NLF1504     | 50W/220V                          | 4000                   | Trung tính 4000K | 222 x 38 x 301                                     | 1.1 kg         | 25.000            | 6                       | 637.000     |
| NLF1503     |                                   | 3800                   | Vàng 3000K       |                                                    |                |                   |                         |             |
| NLF1004     | 100W/220V                         | 8500                   | Trung tính 4000K | 220 x 68 x 282                                     | 1.65 kg        | 30.000            | 6                       | 1.416.000   |
| NLF1003     |                                   | 8057                   | Vàng 3000K       |                                                    |                |                   |                         |             |

ĐÈN PHA SOLAR SUNNY SERIES - ĐÈN PHA NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI



- Thời gian chiếu sáng:  
+ 12 giờ (auto)  
+ 5-6h ở chế độ full sáng  
- Thời gian sạc đầy pin: 6-8 giờ

Chất liệu đèn LED: thân nhôm đúc, mặt kính cường lực

Nguyên lý hoạt động cơ bản:

- Năng lượng ánh sáng mặt trời được chuyển thành điện năng thông qua tấm solar để sạc cho bộ pin LiFePO4 tích hợp bên trong bộ đèn vào ban ngày.
- (\*) Khi đèn hoạt động bộ pin LiFePO4 cung cấp điện năng cho bộ đèn sáng duy trì tới 12H (AUTO MODE) trước khi cạn hết điện.
- Quá trình 1 và 2 được lặp lại.

| THÔNG SỐ ĐÈN PHA |                  |                                            |                    |                           |                                            | THÔNG SỐ TẮM PIN<br>NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI |                  |                                | THÔNG SỐ PIN LƯU ĐIỆN |                    | ĐÓNG GÓI   | GIÁ BÁN/ BỘ                 |
|------------------|------------------|--------------------------------------------|--------------------|---------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------|--------------------------------|-----------------------|--------------------|------------|-----------------------------|
| Mã sản phẩm      | Công suất<br>LED | Tính năng<br>điều khiển<br>bằng Remote     | Màu<br>ánh<br>sáng | Quang<br>thông<br>(lumen) | Kích thước đèn<br>Dài x Cao x Rộng<br>(mm) | Công<br>nghệ                            | Công suất<br>(W) | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Công<br>nghệ          | Dung lượng<br>(Ah) | (bộ/thùng) | (đèn pha<br>+<br>tấm solar) |
| NLFSS1006        | 100W             | 1.ON/OFF<br>2.DIMMING<br>3.TIMER<br>4.AUTO | Trắng<br>5700K     | 1000                      | 220 x 232 x 60.4                           | Poly<br>Crystalline                     | 7                | 190 x 240 x 17                 | LiFePO4               | 6                  | 3          | 1.700.000                   |
| NLFSS2006        | 200W             |                                            |                    | 2000                      | 220 x 232 x 60.4                           |                                         | 13               | 240 x 350 x 17                 |                       | 12                 | 3          | 2.450.000                   |
| NLFSS3006        | 300W             |                                            |                    | 3000                      | 320 x 340 x 63.5                           |                                         | 20               | 350 x 350 x 17                 |                       | 18                 | 2          | 3.600.000                   |
| NLFSS4006        | 400W             |                                            |                    | 4800                      | 320 x 340 x 63.5                           |                                         | 32               | 350 x 500 x 17                 |                       | 36                 | 2          | 4.350.000                   |

| THÔNG SỐ ĐÈN PHA |                  |                                            |                    |                           |                                            | THÔNG SỐ TẮM PIN<br>NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI |                  |                                | THÔNG SỐ PIN LƯU ĐIỆN |                    | ĐÓNG GÓI   | GIÁ BÁN/ BỘ                 |
|------------------|------------------|--------------------------------------------|--------------------|---------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------|--------------------------------|-----------------------|--------------------|------------|-----------------------------|
| Mã sản phẩm      | Công suất<br>LED | Tính năng<br>điều khiển<br>bằng Remote     | Màu<br>ánh<br>sáng | Quang<br>thông<br>(lumen) | Kích thước đèn<br>Dài x Cao x Rộng<br>(mm) | Công<br>nghệ                            | Công suất<br>(W) | Kích thước<br>sản phẩm<br>(mm) | Công<br>nghệ          | Dung lượng<br>(Ah) | (bộ/thùng) | (đèn pha<br>+<br>tấm solar) |
| NLFSS10061       | 100W             | 1.ON/OFF<br>2.DIMMING<br>3.TIMER<br>4.AUTO | Trắng<br>6500K     | 1000                      | 220 x 232 x 60.4                           | Poly<br>Crystalline                     | 5V/ 15 W         | 350 x 350 x 15                 | LiFePO4               | 12                 | 3          | 2.100.000                   |
| NLFSS20061       | 200W             |                                            |                    | 2000                      | 220 x 232 x 60.4                           |                                         | 5V/ 25 W         | 500 x 350 x 15                 |                       | 24                 | 3          | 3.060.000                   |
| NLFSS30061       | 300W             |                                            |                    | 3000                      | 320 x 340 x 63.5                           |                                         | 5V/ 35 W         | 500 x 500 x 15                 |                       | 30                 | 2          | 4.430.000                   |
| NLFSS40061       | 400W             |                                            |                    | 4000                      | 320 x 340 x 63.5                           |                                         | 5V/ 45 W         | 445 x 670 x 15                 |                       | 42                 | 2          | 5.380.000                   |

\*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub



ĐÈN PHA SOLAR - ĐÈN PHA NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

[\*] Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



**IP IK  
67 08**



**CRI  
>Ra80**



**\* Nguyên lý hoạt động:**

- Sử dụng tấm năng lượng mặt trời solar để tạo ra điện năng
- Điện năng tạo ra từ tấm solar được sạc cho pin gắn tích hợp bên trong đèn pha LED
- Điện năng tích trữ bên trong pin cung cấp cho đèn nên hoạt động của đèn ổn định trong thời gian pin dự trữ còn đủ để thời tiết không đủ nắng.

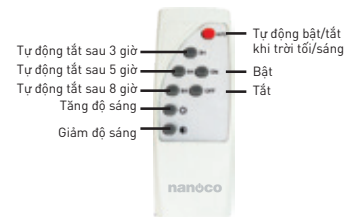
\* Chất liệu đèn: thân kim loại đúc, mặt kính cường lực

\* Chất liệu solar: Polycrystal

\* Thời gian chiếu sáng khi đầy pin ở chế độ Auto: 12 giờ

\* Thời gian sạc: 8-10 tiếng

**Các chức năng điều khiển bằng remote**



| THÔNG SỐ ĐÈN PHA |               |               |              |                     |                                         |                      |                      | THÔNG SỐ TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI |                     |                                           |                      | GIÁ BÁN/ BỘ           |
|------------------|---------------|---------------|--------------|---------------------|-----------------------------------------|----------------------|----------------------|--------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Mã sản phẩm      | Công suất LED | Loại chip LED | Màu ánh sáng | Quang thông (lumen) | Kích thước đèn<br>Dài x Cao x Rộng (mm) | Công suất pin dự trữ | Đóng gói (cái/thùng) | Mã tấm solar                         | Công suất tấm solar | Kích thước solar<br>Dài x Cao x Rộng (mm) | Đóng gói (cái/thùng) | (đèn pha + tấm solar) |
| NLFS040610L      | 40W           | Epistar       | Trắng 6500K  | 600                 | 213 x 70 x 190                          | 3.2V 10Ah            | 10                   | NLFS040610S                          | 6V10WP              | 230 x 350 x 17                            | 10                   | 1.200.000             |
| NLFS060615L      | 60W           |               |              | 960                 | 237 x 77 x 211                          | 3.2V 15Ah            | 10                   | NLFS060615S                          | 6V15WP              | 350 x 350 x 17                            | 10                   | 1.500.000             |
| NLFS100625L      | 100W          |               |              | 1100                | 285 x 91 x 249                          | 3.2V 20Ah            | 5                    | NLFS100625S                          | 6V25WP              | 530 x 350 x 17                            | 5                    | 1.990.000             |
| NLFS200635L      | 200W          |               |              | 1700                | 351 x 91 x 285                          | 3.2V 30Ah            | 5                    | NLFS200635S                          | 6V35WP              | 680 x 350 x 17                            | 5                    | 2.400.000             |
| NLFS300650L      | 300W          |               |              | 3000                | 435 x 95 x 370                          | 3.2V 40Ah            | 4                    | NLFS300650S                          | 6V50WP              | 670 x 535 x 30                            | 4                    | 4.250.000             |

ĐÈN SOLAR SÂN VƯỜN - ĐÈN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI SÂN VƯỜN

**IP  
65**



**NTZ10200** - Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 3W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PMMA - Quang thông: 135lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh - vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 200x200x197mm
- Kích thước tấm solar: 160x160x1x2±0.5mm
- Dung lượng tấm solar: 18650 Ternary lithium 3600mAh 5V 4.5W
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27 (max 15W, AC220-240V), giá không kèm bóng - Kèm 4 bộ ốc vít
- Đóng gói: 6 cái/thùng

**615.000**



**IP  
65**

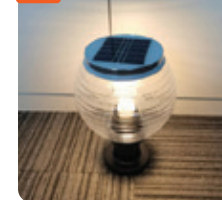


**NTZ06200** - Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 1.5W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PC, chống trong - Quang thông: Trắng 6500K 144lm/Vàng 3000K 138lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh - vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 200x200x270mm
- Kích thước tấm solar: Ø134±1xT2±0.5mm
- Dung lượng tấm solar: 18650 Ternary lithium 1800mAh 5V 1.5W
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27 (max 15W, AC220-240V), giá không kèm bóng - Kèm 2 bộ ốc vít
- Đóng gói: 6 cái/thùng

**600.000**

**IP  
65**



**NTZ06250** - Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 1.5W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PC, chống trong - Quang thông: Trắng 6500K 144lm/Vàng 3000K 138lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh - vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 250x250x320mm
- Kích thước tấm solar: Ø134±1xT2±0.5mm
- Dung lượng tấm solar: 18650 Ternary lithium 1800mAh 5V 1.5W
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27 (max 15W, AC220-240V), giá không kèm bóng - Kèm 2 bộ ốc vít
- Đóng gói: 4 cái/thùng

**690.000**

**IP  
65**



**NTZ08200** - Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 1.5W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PC
- Quang thông: Trắng 6500K 144lm/Vàng 3000K 138lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh - vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 200x200x270mm
- Kích thước tấm solar: Ø134±1xT2±0.5mm
- Dung lượng tấm solar: 18650 Ternary lithium 1800mAh 5V 1.5W
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27 (max 15W, AC220-240V), giá không kèm bóng - Kèm 2 bộ ốc vít
- Đóng gói: 6 cái/thùng

**580.000**

**IP  
65**



**NTZ08250** - Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 1.5W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PC
- Quang thông: Trắng 6500K 144lm/Vàng 3000K 138lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh - vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 250x250x320mm
- Kích thước tấm solar: Ø134±1xT2±0.5mm
- Dung lượng tấm solar: 18650 Ternary lithium 1800mAh 5V 1.5W
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27 (max 15W, AC220-240V), giá không kèm bóng - Kèm 2 bộ ốc vít
- Đóng gói: 4 cái/thùng

**665.000**



**ProClub**

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

\*Giá bán đã bao gồm VAT

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN NGOÀI TRỜI - Stella Series - Tuổi thọ 30,000 giờ

**IP 65**

**NBLS015** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 4W/AC85-265V
- Kích thước: 120x80x35mm
- Quang thông: 260lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

**190.000**

**IP 65**

**NBS016** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W/AC85-265V
- Kích thước: 175x80x40mm
- Quang thông: 420lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

**200.000**

**IP 65**

**NBLS031** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 8W/AC85-265V
- Kích thước: 220x80x45mm
- Quang thông: 600lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

**260.000**

**IP 65**

**NBLS13SQ** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W/AC85-265V
- Kích thước: 100x100x100mm
- Quang thông: Tùy thuộc vào điều chỉnh hướng sáng
- CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

**310.000**

**IP 65**

**NBLS22411** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 5W/AC85-265V
- Kích thước: 90x160mm
- Quang thông: 350lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux COB
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 20 cái/thùng

**520.000**

**IP 65**

**NBLS22412** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 2x5W/AC85-265V
- Kích thước: 90x260mm
- Quang thông: 700lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux COB
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 20 cái/thùng

**670.000**

**IP 65**

**NBLS213** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 12W/AC85-265V
- Kích thước: 125x125x260mm
- Quang thông: 564lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Sanan SMD
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 20 cái/thùng

**660.000**

**IP 65**

**NBLS252** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 2W/AC85-265V
- Kích thước: 66x66x55mm
- Quang thông: 130lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

**240.000**

**IP 65**

**NBLS254** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 4W/AC85-265V
- Kích thước: 66x66x55mm
- Quang thông: 300lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

**270.000**



**IP 65**

**NBLS04** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 3W/AC85-265V
- Kích thước: 80x75x63mm
- Quang thông: 225lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

**180.000**

**IP 65**

**NBLS05** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W/AC85-265V
- Kích thước: 140x76x63mm
- Quang thông: 510lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

**220.000**

**IP 65**

**NBLS8004** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W/AC85-265V
- Kích thước: 150x65x70mm
- Quang thông: 360lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux COB
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

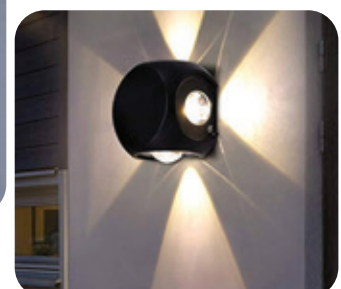
**340.000**

**IP 65**

**NBLS8003** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W/AC85-265V
- Kích thước: 150x65x70mm
- Quang thông: 348lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux COB
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

**360.000**



\*Giá bán đã bao gồm VAT

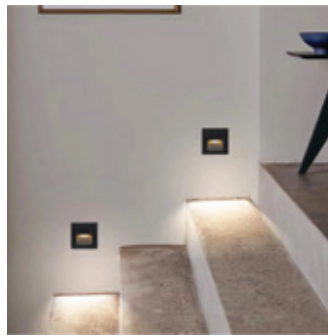
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub



ĐÈN LỐI ĐI - Stella Series

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



Ánh sáng vàng 3000K

\*Chất liệu: Thân nhôm, chóa đèn nhựa  
\*Đèn lối đi cảm biến có khoảng cách hoạt động từ 1-3m, góc 120 độ, thời gian hoạt động 30-45 giây sau khi kết thúc chuyển động

| Mã sản phẩm |           | Loại              | Công suất/ Điện thế sử dụng | Góc chiếu | CHIP LED | Quang thông (lumen) | Kích thước sản phẩm (mm)                | Đóng gói (cái/thùng) | Giá bán/ cái |
|-------------|-----------|-------------------|-----------------------------|-----------|----------|---------------------|-----------------------------------------|----------------------|--------------|
| Trắng       | Đen       |                   |                             |           |          |                     |                                         |                      |              |
| NSLM901W    | NSLM901B  | Lắp nổi           | 03W/ 220V                   | 90°       | CREE XPE | 33-50lm             | L88xH88 xW25mm                          | 40                   | 510.000      |
| NSLM901WS   | NSLM901BS | Lắp nổi, cảm biến |                             |           |          |                     | 660.000                                 |                      |              |
| NSLX901W    | NSLX901B  | Lắp âm            |                             |           |          |                     | L90xH90x W57mm (Khoét lỗ L81xH81xW50mm) |                      | 460.000      |
| NSLX901WS   | NSLX901BS | Lắp âm, cảm biến  |                             |           |          |                     | 590.000                                 |                      |              |

ĐÈN DOWNLIGHT TRỤ



\* Chất liệu: Nhôm  
\* Sử dụng Triac Dimmer

| Mã sản phẩm      | Công suất/ Điện thế sử dụng | Màu ánh sáng     | Màu thân đèn/ Chóa phản quang | Quang thông (lumen) | Kích thước sản phẩm (mm) | Đóng gói (cái/thùng) | Giá bán/ cái |
|------------------|-----------------------------|------------------|-------------------------------|---------------------|--------------------------|----------------------|--------------|
| NSDL12W309040W54 | 12W/ 220V                   | Vàng 3000K       | Trắng/ Trắng                  | 960                 | Ø75*H100                 | 50                   | 1.009.000    |
| NSDL12W409040W54 |                             | Trung tính 4000K | Trắng/ Trắng                  | 960                 |                          |                      | 1.009.000    |
| NSDL12W309040B54 |                             | Vàng 3000K       | Đen/ Đen                      | 960                 |                          |                      | 1.009.000    |
| NSDL12W409040B54 |                             | Trung tính 4000K | Đen/ Đen                      | 960                 |                          |                      | 1.009.000    |

ĐÈN TRẦN - Tuổi thọ 20,000 giờ



**NCL1333** - Ánh sáng vàng 3000K  
**NCL1331-6/ NCL1333-6** - Ánh sáng trắng 6000K  
- Công suất: 15W/AC220-240V  
- Kích thước: Ø280mm/H63mm  
- Trọng lượng: 0.9kg  
- Quang thông: 1057lm - CRI: Ra84 - PF: 0.93  
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám, nắp chụp nhựa trắng sữa  
- Góc chiếu: 116°

1.903.000



**NSDL7205W** - Màu trắng  
**NSDL7205B** - Màu xám đậm  
- Sử dụng bóng E27 (H<sub>max</sub> < 116mm)/AC110-240V  
- Kích thước: Ø108mm/H155mm - Trọng lượng: 0.8kg  
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn nhựa trong  
- Không bao gồm bóng

793.000



**NDL1833-73** - Ánh sáng vàng 3000K  
**NDL1833-76** - Ánh sáng trắng 6000K  
- Công suất: 7W/AC220V  
- Kích thước: Ø110/ H60 mm - Khoét trần: Ø 90mm  
- Quang thông: 470lm - CRI: Ra80  
- Chất liệu: thân đèn nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong  
- Góc chiếu: 36°

981.000



**NSDL2236-73** - Ánh sáng vàng 3000K  
**NSDL2236-76** - Ánh sáng trắng 6000K  
- Công suất: 7W/AC220-240V  
- Kích thước: Ø90mm/H95mm - Trọng lượng: 0.8kg  
- Quang thông: 581lm - CRI: Ra82 - PF: 0.53  
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong  
- Góc chiếu: 17°

1.371.000



**NDL1831-103** - Ánh sáng vàng 3000K  
**NDL1831-106** - Ánh sáng trắng 6000K  
- Công suất: 10W/AC220V  
- Kích thước: Ø115/H75mm - Khoét trần: Ø 105mm  
- Quang thông: 709lm - CRI: Ra83  
- Chất liệu: thân đèn nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong  
- Góc chiếu: 39°  
- Điều chỉnh góc chiếu 20°

1.212.000



**NSDL2236-203** - Ánh sáng vàng 3000K  
**NSDL2236-206** - Ánh sáng trắng 6000K  
- Công suất: 20W/AC220-240V-50Hz  
- Kích thước: Ø95mm/H105mm - Trọng lượng: 1.0kg  
- Quang thông: 1616lm - CRI: Ra83 - PF: 0.53  
- Chất liệu: Nhôm đúc, màu trắng chụp đèn thủy tinh trong  
- Góc chiếu: 34°

1.790.000



(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

## ĐÈN GẮN TƯỜNG - Tuổi thọ 20,000 giờ

**IP 65**

Đèn gắn tường ngoài trời LED

**NBL1291A** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 20W/AC220-240V-50Hz
- Kích thước: L500 x W60 x H60mm - Trọng lượng: 3.1kg
- Quang thông: 1818lm - CRI: Ra84
- PF: 0.92
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 107°

2.564.000

**IP 65**

Đèn tường LED vàng màu gỗ

**NBL1291AWD** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 20W/ 220V - 240V, 50-60Hz
- Kích thước: 500x65x60mm
- Chip LED: Philips2835
- Quang thông: 1742lm - CRI: 84 - PF: 0.92
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen và màu gỗ, chóa đèn thủy tinh
- Góc chiếu: 107°

3.320.000

**IP 54**

Đèn gắn tường ngoài trời LED

**NBL2891** - Màu xám bạc, ánh sáng vàng 3000K

**NBL2891-6** - Màu xám bạc, ánh sáng trắng 6000K

**NBL2891B** - Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W/AC200-240V
- Kích thước: L82xW58xH82mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Quang thông: 218lm - CRI: Ra85 - PF: 0.9
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 96°

930.000

**IP 54**

Đèn gắn tường ngoài trời LED

**NBL2541** - Màu xám nhạt, ánh sáng vàng 3000K

**NBL2541-6** - Màu xám nhạt, ánh sáng trắng 6000K

**NBL2541B** - Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L108xW111xH115mm - Trọng lượng: 1.7kg
- Quang thông: 841lm - CRI: Ra83 - PF: 0.90
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 21°

1.860.000

**IP 54**

Đèn gắn tường ngoài trời LED

**NBL2553** - Màu trắng, ánh sáng vàng 3000K

**NBL2553-6** - Màu trắng, ánh sáng trắng 6000K

**NBL2553S** - Màu xám bạc, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 9W/AC200-240V
- Kích thước: L109xW63xH173mm - Trọng lượng: 0.6kg
- Quang thông: 160lm - CRI: Ra80 - PF: 0.93
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 15°/75°

1.244.000

**IP 54**

Đèn gắn tường ngoài trời LED

**NBL2621** - Màu xám bạc, ánh sáng vàng 3000K

**NBL2621-6** - Màu xám bạc, ánh sáng trắng 6000K

**NBL2621B** - Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L62xW82xH145mm - Trọng lượng: 0.84kg
- Quang thông: 1116lm - CRI: Ra82 - PF: 0.93
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 73°

1.709.000

**IP 54**

Đèn gắn tường ngoài trời LED

**NBL2621WD** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 2x7W/ 220V - 240V, 50-60Hz
- Kích thước: 62x87x144mm
- Chip LED: CREE1304
- Quang thông: 1365lm - CRI: >80 - PF: 0.87
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen và màu gỗ, chóa đèn thủy tinh
- Góc chiếu: 73°

1.900.000

**IP 54**

Đèn gắn tường ngoài trời LED

**NBL1141B** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 1x7W/ 220V - 240V, 50-60Hz
- Kích thước: 120x120x58 mm
- Chip LED: Cree
- Quang thông: 355lm - CRI: Ra80 - PF: 0.9
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, chóa đèn thủy tinh mờ
- Góc chiếu: 98°

1.580.000

**IP 54**

Đèn gắn tường ngoài trời LED

**NBL2233** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L135xW96xH135mm - Trọng lượng: 1.5kg
- Quang thông: 1153lm - CRI: Ra81 - PF: 0.91
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong.
- Góc chiếu: 18°

1.817.000

**IP 54**

Đèn gắn tường ngoài trời LED

**NBL2851** - Ánh sáng vàng 3000K

**NBL2851-6** - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L75xW100xH160mm - Trọng lượng: 0.9kg
- Quang thông: 995lm - CRI: Ra82 - PF: 0.92
- Chất liệu: Nhôm chống oxy hóa, chóa đèn thủy tinh trong.
- Góc chiếu: 37°

1.936.000

**IP 54**

Đèn gắn tường ngoài trời LED

**NBL2691** - Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K

**NBL2691S** - Màu xám nhạt, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W/AC220-240V
- Kích thước: L125xW63xH125mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Quang thông: 389lm - CRI: Ra82 - PF: 0.89
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 108°

1.136.000

**IP 54**

Đèn gắn tường ngoài trời LED

**NBL2613WD** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 8W/ 220V - 240V, 50-60Hz
- Kích thước: 115x90x90mm
- Chip LED: CREE
- Quang thông: 460lm - CRI: >80 - PF: 0.88
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen và màu gỗ, chóa đèn thủy tinh
- Góc chiếu: 22/90°

1.660.000

\*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng



**ĐÈN GẮN TƯỜNG - Tuổi thọ 20,000 giờ**

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

IP 54



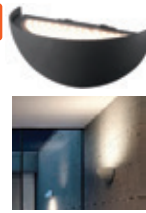
Đèn gắn tường ngoài trời LED

**NBL2721** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W/AC200-240V
- Kích thước: L220xW130xH55mm - Trọng lượng: 0.8kg
- Quang thông: 448lm - CRI: Ra82 - PF: 0.89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 126°

1.709.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED

**NBL1951B** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 80x0.11W
- Kích thước: 243x132x122 mm
- Chip LED: Philips4014
- Quang thông: 782lm - CRI >Ra80 - PF: 0.89
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, chóa đèn thủy tinh trong.
- Góc chiếu: 98°

2.060.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời dùng bóng

**NBL3181**

- Công suất: Sử dụng bóng bulb E27 (Max 15W/ AC220-240V)
- Kích thước: 290x137x100mm
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, chóa đèn nhựa
- Giá không bao gồm bóng

1.350.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED

**NBL2622** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L62xW82xH95mm - Trọng lượng: 0.64kg
- Quang thông: 577lm - CRI: Ra82 - PF: 0.88 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 72°

1.168.000

IP 65



Đèn gắn tường ngoài trời LED

**NBL1791** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W /AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L222xW165xH282mm - Trọng lượng: 1.6kg
- Quang thông: 555lm - CRI: Ra85 - PF: 0.5
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 105°

1.860.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED

**NBL5705A** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 15W/AC200-240V
- Kích thước: L110xW103xH250 mm
- Trọng lượng: 1.1kg
- Quang thông: 850lm - CRI: Ra85 - PF: 0.99 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trắng sữa.
- Góc chiếu: 103°

1.557.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời dùng bóng

**NBB1466**

- Công suất: sử dụng bóng E27 (Max15W)/AC220-240V
- Kích thước: L140xW160xH290 mm
- Trọng lượng: 2.6kg
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong.
- Giá không bao gồm bóng

1.634.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED

**NBL3062WD** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W/ 220V - 240V, 50-60Hz
- Kích thước: 125x126x250 mm
- Chip LED: Philips3014
- Quang thông: 234lm - CRI: >80 - PF: 0.93
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, màu gỗ chóa nhựa
- Góc chiếu: 66°

1.900.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời dùng bóng

**NGL3431WD**

- Công suất: Sử dụng bóng bulb E27 (Max 15W/ AC220-240V)
- Kích thước: 135x135x220mm
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, màu gỗ chóa đèn thủy tinh.
- Giá không bao gồm bóng

1.660.000



**ĐÈN SÂN VƯỜN - Tuổi thọ 20,000 giờ**

IP 54



Đèn gắn trụ ngoài trời dùng bóng

**NBB1463**

- Công suất: Sử dụng bóng bulb E27 (Max 15W/AC220-240V)
- Kích thước: L140xW140xH350mm - Trọng lượng: 2.5kg
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhũy tinh trong
- Giá không bao gồm bóng

1.860.000

IP 54



Đèn sân vườn LED

**NGL8453** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L108xW108xH200mm - Trọng lượng: 0.95kg
- Quang thông: 400lm - CRI: Ra84 - PF: 0.89
- Chất liệu: Thân đèn màu bạc, chóa đèn thủy tinh trong.
- Góc chiếu: 38°

1.557.000

IP 54



Đèn sân vườn LED

**NGL2723** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L120xW40xH650mm - Trọng lượng: 2.4kg
- Quang thông: 290lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 45°

1.936.000

IP 54



Đèn sân vườn LED

**NGL1913** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W /AC110-240V-50Hz
- Kích thước: Ø90mm/H650mm - Trọng lượng: 1.22kg
- Quang thông: 415lm - CRI: Ra85
- PF: 0.5 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 71°

1.774.000



(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

## ĐÈN SÂN VƯỜN - Tuổi thọ 20,000 giờ

**IP 54**

Đèn sân vườn LED  
**NGL8464** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 9W /AC110-240V-50Hz
- Kích thước: L110xW110xH650mm - Trọng lượng: 2.75kg
- Quang thông: 370lm - CRI: Ra85
- PF: 0.89 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 38°

2.542.000

**IP 54**

Đèn sân vườn LED  
**NGL8414** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 15W (1x15W)/AC110-240V-50Hz
- Kích thước: Ø120mm/H650mm - Trọng lượng: 2.75kg
- Quang thông: 370lm - CRI: Ra82 - PF: 0.88
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 82°

2.629.000

**IP 54**

Đèn sân vườn dùng bóng  
**NGL3433WD**

- Công suất: sử dụng bulb E27 max 15W
- AC 220V-240V/ 50-60Hz
- Kích thước: 145x145x600 mm
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, màu gỗ chóa đèn thủy tinh
- Giá không bao gồm bóng

2.810.000

**IP 54**

Đèn sân vườn LED  
**NGL8434A** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 8W /AC200-240V
- Kích thước: L108xW108xH650mm - Trọng lượng: 2.9kg
- Quang thông: 449lm - CRI: Ra84 - PF: 0.94
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trắng sữa
- Góc chiếu: 270°

2.250.000

**IP 65**

Đèn sân vườn LED  
**NGL3483** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 8W/ 220V - 240V, 50-60Hz
- Kích thước: Ø240xH650 mm
- Quang thông: 610lm - CRI: >80 - PF: 0.9
- Chip LED: Philips4014
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, chóa đèn nhựa
- Chỉnh góc: 99°

2.890.000

**IP 54**

Đèn sân vườn LED  
**NGL8434** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 14.62W (86x0.17W)/AC200-240V
- Kích thước: L108xW108xH650mm - Trọng lượng: 2.9kg
- Quang thông: 461lm - CRI: Ra84 - PF: 0.89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trắng sữa
- Góc chiếu: 270°

2.250.000

## ĐÈN ÂM ĐẤT - Tuổi thọ 20,000 giờ

**IP 67**

Đèn sân vườn LED âm đất tròn  
**NGL2291** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 1W/AC110-240V-50Hz
- Kích thước: Ø67xH117mm - Trọng lượng: 0.29kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø63xH117mm
- Quang thông: 89lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, mặt đèn inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 28°

757.000

**IP 67**

Đèn sân vườn LED âm đất vuông  
**NGL2292** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 1W/AC100-240V-50Hz
- Kích thước: L67xW67xH117mm - Trọng lượng: 0.31kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø63xH117mm
- Quang thông: 89lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, mặt đèn inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 28°

800.000

**IP 67**

Đèn sân vườn LED âm đất  
**NGL2641** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø125xH105mm - Trọng lượng: 0.97kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø103xH105mm
- Quang thông: 597lm - CRI: Ra81 - PF: 0.89
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 24°

1.417.000

**IP 67**

Đèn sân vườn LED âm đất  
**NGL2642** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L125xW125xH105mm - Trọng lượng: 0.97kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø103xH105mm
- Quang thông: 597lm - CRI: Ra81 - PF: 0.89
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 24°

1.557.000

**IP 67**

Đèn sân vườn LED âm đất  
**NGL1211** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 67lm - CRI: Ra82 - PF: 0.89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 110°

1.634.000

**IP 67**

Đèn sân vườn LED âm đất  
**NGL1212** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 135lm - CRI: Ra82 - PF: 0.89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 99°

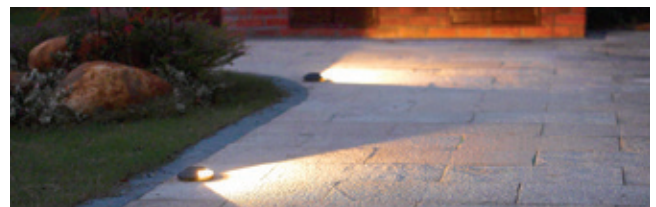
1.634.000

**IP 67**

Đèn sân vườn LED âm đất  
**NGL1214** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 188lm - CRI: Ra82 - PF: 0.89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 70°

1.634.000



\*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub



(\*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

**ĐÈN LỐI ĐI - Tuổi thọ 20,000 giờ**

**IP 65**

**Đèn LED chiếu chân lắp nổi**

**NSL1713** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 4W/ AC200-240V - 50Hz
- Kích thước: L95xW31xH95mm - Trọng lượng: 0.3kg
- Quang thông: 185lm - CRI: Ra83
- PF: 0.99
- Chất liệu: nhôm đúc màu bạc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 52°

**855.000**

**IP 65**

**Đèn LED chiếu chân lắp nổi**

**NSL1713A** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 3W/ AC200-240V - 50Hz
- Kích thước: L95xW31xH95mm - Trọng lượng: 0.3kg
- Quang thông: 133lm - CRI: Ra83
- PF: 0.5
- Chất liệu: nhôm đúc màu bạc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 52°

**855.000**

**IP 65**

**Đèn LED chiếu chân lắp nổi**

**NSL1711** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 8.8W/ AC200-240V - 50Hz
- Kích thước: L160xW31xH160mm - Trọng lượng: 0.7kg
- Quang thông: 472lm - CRI: Ra83
- PF: 0.97
- Chất liệu: nhôm đúc màu bạc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 53°

**1.557.000**

**IP 65**

**Đèn LED chiếu chân lắp nổi**

**NSL1711A** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 8W/ AC200-240V - 50Hz
- Kích thước: L160xW31xH160mm - Trọng lượng: 0.7kg
- Quang thông: 450lm - CRI: Ra83
- PF: 0.5
- Chất liệu: nhôm đúc màu bạc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 53°

**1.557.000**

**IP 65**

**Đèn sân vườn LED chiếu chân**

**NSL2781** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 3W (1x3W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø95xH81mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø92xD81mm
- Quang thông: 25lm - CRI: Ra80 - PF: 0.53
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 56°

**855.000**

**IP 65**

**Đèn LED gắn âm tường chiếu chân**

**NSL1121A** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 4W (12x0.3W)/AC200-240V
- Kích thước: L107xW65xH75mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Kích thước khoét lỗ: L100xW57xH65mm
- Quang thông: 129lm - CRI: Ra82 - PF: 0.89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 33°

**908.000**

**IP 65**

**Đèn sân vườn LED chiếu chân**

**NSL2782** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 3W (1x3W)/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L95xW81xH95mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø92xD81mm
- Quang thông: 25lm - CRI: Ra80 - PF: 0.53
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 56°

**855.000**

**IP 65**

**Đèn LED chiếu chân âm tường**

**NSL2102** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 1W/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L40xW40xH50mm - Trọng lượng: 0.13kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø25mm
- Quang thông: 72lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm chống oxy hóa, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 20°

**660.000**

**IP 65**

**Đèn spotlight sân vườn LED**

**NSP1802** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 1W(1x1W COB)/ AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L40xW40xH40mm - Trọng lượng: 0.18kg
- Quang thông: 95lm - PF: 0.45 - CRI: Ra80 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 28°

**844.000**

**IP 65**

**Đèn LED chiếu chân âm tường**

**NSL2101** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 1W/AC200-240V-50Hz
- Kích thước: Ø40xH50mm - Trọng lượng: 0.13kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø25mm
- Quang thông: 72lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm chống oxy hóa, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 20°

**617.000**

**IP 65**

**Đèn spotlight sân vườn LED**

**NSP2746** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 10W(1x10W COB)/ AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L81xW76xH118mm - Trọng lượng: 0.9kg
- Quang thông: 656lm - CRI: Ra83
- PF: 0.99 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen
- Góc chiếu: 26°

**1.396.000**

**IP 65**

**Đèn spotlight sân vườn LED**

**NSP2862** - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W(3x2W COB)/ AC200-240V-50Hz
- Kích thước: L83xW107xH380mm - Trọng lượng: 0.79kg
- Quang thông: 360lm - CRI: Ra80
- PF: 0.81 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen
- Góc chiếu: 24°

**1.601.000**

**IP 65**

**Đèn spotlight sân vườn LED**

**NSP1663** - 10W(1x10W) - 613lm **1.482.000**

**NSP1666** - 15W(1x15W) - 934lm **1.634.000**

**NSP1669** - 20W(1x20W) - 1283lm **1.709.000**

- AC200-240V-50Hz
- Kích thước: W120xH210mm - Trọng lượng: 1.1kg
- PF: 0.99 - CRI: Ra82 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen
- Góc chiếu: 41°

**Ánh sáng vàng 3000K**

**IP 65**

**Đèn spotlight sân vườn LED**

**NSP1673** - 10W(1x10W) - 613lm **1.634.000**

**NSP1676** - 15W(1x15W) - 934lm **1.785.000**

**NSP1679** - 20W(1x20W) - 1283lm **1.860.000**

- AC200-240V-50Hz
- Kích thước: W120xH520mm - Trọng lượng: 1.38kg
- PF: 0.99 - CRI: Ra82 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen
- Góc chiếu: 41°

**Ánh sáng vàng 3000K**



(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

## ĐÈN EXIT - Đèn thoát hiểm



## ĐÈN CHỈ DẪN THOÁT HIỂM



**IP 40**

### NEX2108C1 - Đèn thoát hiểm LED (có chứng nhận PCCC)

- Công suất: 5.5W/AC220-240V/50Hz-60Hz, 0.07A
- Kích thước: 290mm x 182mm x 40mm
- Trọng lượng: 0.9kg
- Pin: LiFePO4 3.2V/1.5Ah
- Thời gian sạc: 24 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Độ rọi: 10 cd/m²

- Nguồn sáng: SMD LED WHITE - 6500K
- Khoảng cách nhìn thấy: 24m
- Cấp độ bảo vệ: IP40
- Chất liệu: Nhựa PC
- Kèm 1 hình chỉ hướng lối thoát mã NEXF-E
- Đóng gói: 12 cái/thùng

735.000

### Hình chỉ hướng

|  |                                     |        |
|--|-------------------------------------|--------|
|  | <b>NEXF-L</b><br>1 mặt trái         | 26.000 |
|  | <b>NEXF-R</b><br>1 mặt phải         | 26.000 |
|  | <b>NEXF-D</b><br>1 mặt xuống        | 26.000 |
|  | <b>NEXF-U</b><br>1 mặt lên          | 26.000 |
|  | <b>NEXF-LR</b><br>1 mặt trái & phải | 26.000 |

|  |                                      |        |
|--|--------------------------------------|--------|
|  | <b>NEXF-TL</b><br>1 mặt toilet trái  | 26.000 |
|  | <b>NEXF-TR</b><br>1 mặt toilet phải  | 26.000 |
|  | <b>NEXF-TD</b><br>1 mặt toilet xuống | 26.000 |
|  | <b>NEXF-TU</b><br>1 mặt toilet lên   | 26.000 |
|  | <b>NEXF-E</b><br>Đèn báo Exit        | 26.000 |

### Phụ kiện dùng kèm đèn thoát hiểm



#### Bộ phụ kiện gắn treo trần

**NEXA-C**  
Gồm 2 bộ dây treo trần  
Chiều dài dây treo 1m

50.000



#### Bộ phụ kiện gắn tường

**NEXA-W**  
Gồm 2 bộ pát gắn tường

13.000

### NEM21351 - Đèn LED chiếu sáng khẩn cấp

(có chứng nhận PCCC)

- Công suất: 2W/AC220-240V/50Hz-60Hz
- Kích thước: 280 x 280 x 78mm - Trọng lượng: 1kg
- Pin: Li-ion 3.7V/2.2A
- Thời gian sạc: 24 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Quang thông: >180lm - Nguồn sáng: SMD LED 32PCS - 6500K
- Cấp độ bảo vệ điện: Class II
- Chất liệu: Chứa đèn nhựa PC trong, thân đèn nhựa ABS
- Có thể điều chỉnh đèn theo 340° theo phương ngang, 90° theo phương thẳng đứng
- Đóng gói: 6 cái/thùng

**IP 20**



770.000



## ĐÈN EMERGENCY - Đèn chiếu sáng khẩn cấp

### NDLE036 - Đèn LED Downlight chiếu sáng khẩn cấp

(có chứng nhận PCCC)

- Công suất: 3.5W/AC220-240V/50Hz-60Hz
- Kích thước: Ø140 x 23mm/ Khoét trần: Ø65 - 70mm/H50mm
- Trọng lượng: 220g
- Pin: LiFePO4 3.2V/1.5Ah
- Thời gian sạc: 16 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Quang thông: >125lm - Nguồn sáng: SMD LED 32PCS - 6500K
- Cấp độ bảo vệ điện: Class II
- Chất liệu: Chứa đèn nhựa PC trong, thân đèn nhựa ABS
- Đóng gói: 48 cái/thùng

**IP 20**



625.000



## ĐÈN DOWNLIGHT EMERGENCY - Đèn Downlight chiếu sáng khẩn cấp

\*Giá bán đã bao gồm VAT

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

**ProClub**



ĐÈN HIGHBAY - Đèn nhà xưởng

(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



- Điện thế sử dụng: 100-240V/ 50-60Hz
- Ánh sáng trắng 5700K
- Nhiệt độ hoạt động: -35-50°C
- Chất liệu: Nhôm đúc, chống thủy tinh
- Đóng gói: 1 cái/thùng



Kích thước: Ø330mm/H: 125mm

**NHB1206** - 14400lm - Công suất 120W

**4.320.000**

**NHB1506** - 18000lm - Công suất 150W

**4.700.000**



Kích thước: Ø400mm/H: 141mm

**NHB1806** - 21600lm - Công suất 180W

**5.850.000**

**NHB2106** - 25200lm - Công suất 210W

**6.200.000**

**NHB2406** - 28800lm - Công suất 240W

**6.600.000**



Chất liệu: thân đèn hợp kim nhôm ADC12



Kích thước: Ø220mm/H: 98.5mm

**NHB10061** - 13000lm - Công suất 100W

**1.540.000**



Kích thước: Ø260mm/H: 98.5mm

**NHB15061** - 19500lm - Công suất 150W

**2.075.000**

Kích thước: Ø300mm/H: 98.5mm

**NHB20061** - 26000lm - Công suất 200W

**2.530.000**

PIN NEW

| Hình ảnh | Mã sản phẩm | Loại pin     | Điện áp (V) | Dung lượng (mah) | Kích thước sản phẩm (mm)    | Bảo hành (Năm) | Đóng gói (pin/vì) | Đóng gói (pin/hộp) | Giá bán/pin | Giá bán/vì |
|----------|-------------|--------------|-------------|------------------|-----------------------------|----------------|-------------------|--------------------|-------------|------------|
|          | NLR03-2     | Alkaline AAA | 1.5V        | 1,200            | D: 10.5+-0.2, L: 44.5+-0.2, | 10             | 2                 | 24                 | 10.000      | 20.000     |
|          | NLR03-4     | Alkaline AAA | 1.5V        | 1,200            | D: 10.5+-0.2, L: 44.5+-0.2, | 10             | 4                 | 48                 | 10.000      | 40.000     |
|          | NLR6-2      | Alkaline AA  | 1.5V        | 2,600            | D: 14.5+-0.2, L: 50.5+-0.2, | 10             | 2                 | 24                 | 13.000      | 26.000     |
|          | NLR6-4      | Alkaline AA  | 1.5V        | 2,600            | D: 14.5+-0.2, L: 50.5+-0.2, | 10             | 4                 | 48                 | 13.000      | 52.000     |
|          | NCR2025     | Lithium      | 3V          | 160              | 20x2.5                      | 3              | 5                 | 50                 | 17.600      | 88.000     |
|          | NCR2032     | Lithium      | 3V          | 220              | 20x3.2                      | 3              | 5                 | 50                 | 17.600      | 88.000     |



ProClub

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

\*Giá bán đã bao gồm VAT